

SANGTAO

THÁNG ^{July} BẢY 1957

BIÊN KHẢO :

LÊ VĂN SIÊU Chôn sống các tôn thất nhà Lý
HOÀNG THÁI LINH Văn chương và siêu hình học
LÊ CAO PHAN Sự tiến triển của ngành âm nhạc
thiếu nhi

SÁNG TÁC :

NGUYỄN SÁ Lò luyện người
ĐOÀN QUỐC SỸ Trọng Quỳnh đi xứ
VĨNH LỘC Mưa thu lá vàng

Khoi Từ của một bản Anh Hùng Ca

THƠ CỦA :

THANH TÂM TUYỀN

VĂN ĐỀ VĂN HỌC :

NGUYỄN SỸ TẾ Tinh thần văn học đời Lê Thánh Tôn
hậu bán thế kỷ XV

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ :

NGUYỄN DĂNG : SÁCH MỜI : THƠ HÀNG-BÁ-LÂN — NGƯỜI ĐI
QUA LỘ CỐT TIÊU THUYẾT của TÔ-KIỆU-NGÂN — ĐƯƠNG THI của
TRẦN-TRỌNG-SAN — TRƯỜNG GIẢNG : QUA CÁC CUỘC TRIỂN LÃM
Ở SÀI GÒN

CHỦ TRƯỞNG BIÊN TẬP :

MAI THẢO

TẬP CHÍ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN HÀNG THÁNG
TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ 1338, KỶ CON — SAIGON

SỐ 10

GIÁ 6000

NỘI DUNG SỐ NÀY :

NGUYỄN SỸ TẾ	Trang TINH THẦN VĂN HỌC ĐỜI LÊ THÂN TÔN 1
NGUYỄN SA	LỎ LUYỆN NGƯỜI 7
THANH TÂM TUYỀN	KHAI TỬ CỦA MỘT BẢN ANH HÙNG CA 13
HOÀNG THÁI LINH	VĂN CHƯƠNG VÀ SIÊU HÌNH HỌC . 19
ĐOÀN QUỐC SỸ	TRẠNG QUỲNH ĐI SỬ 25
LÊ VĂN SIÊU	CHỜN SỐNG CÁC TÔN THIẾT NHÀ LÝ 31
LÊ CAO PHAN	SỰ TIẾN TRIỂN CỦA NGÀNH ÂM NHẠC THIẾU NHİ 41
VĨNH LỘC	MÙA THU LÁ VÀNG 50

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ :

NGUYỄN DẰNG : sách mới : THƠ HẰNG HẰ LẶN – người đi qua LỎ CỐT
 TIỂU THUYẾT CỦA TỖ KIỀU NGỎN (trang 54) – ĐƯỜNG THI CỦA THẦN THƯỢNG SAN
 (trang 55) – **THƯỜNG GIANG** : qua các cuộc thiễn lãm ở BÀI ĐỒN (trang 56)

SÁNG TẠO ĐÓNG THÀNH TẬP ĐÃ PHÁT HÀNH

In trên bìa cứng, trình bày mỹ thuật, giấy 400 trang, giá độc biệt 30.000.
 Tập chí văn nghệ Sáng Tạo đóng thành tập (từ số 1 đến số 6) đã phát
 hành toàn quốc. Các bạn chưa mua từ số đầu hoặc chưa có đủ bộ nên
 ỉm mua ngay ở các hiệu sách, vì số in chỉ có hạn.

Thư từ và bài vở gửi cho : **MAI THẢO**
 Tiền bạc và ngân phiếu cho : **ĐẶNG LÊ KIM**
TÒA SOẠN TẬP CHÍ SÁNG TẠO
 133 B, đường Ký Con – SAIGON

SÁNG TẠO

Tạp chí văn nghệ xuất bản hàng tháng

TÌNH THẦN VĂN HỌC ĐỜI LÊ THÁNH TÔN (HẬU BÁN THẾ KỶ XV)

NGUYỄN SỸ TẾ

LẦN giờ lịch sử nước nhà vào khoảng hậu bán thế kỷ XV, giữa quãng đường từ thời tự chủ đến nay, người đọc không khỏi ngạc nhiên về những thực hiện lớn lao trên hơn một phương diện của một triều vua thỉnh đại đặc biệt: triều vua Lê Thánh Tôn (1460-1497).

Lê Thánh Tôn là vị vua thứ tư nhà Hậu Lê, gồm hai niên hiệu: Quang-Thuận (1460-1470) và Hồng-Đức (1470-1497) — Nhưng vì lẽ thời kỳ thứ hai ghi được nhiều kết quả rực rỡ nên người đời quen gọi triều ngài là triều Hồng-Đức, một danh hiệu xứng đáng với ý nghĩa của danh từ —.

Khích lệ bởi 10 năm kháng chiến đuổi quân Minh, rút được kinh nghiệm của mấy triều đại trước Lý-Trần-Hồ, buổi giao thời và biến động nội triều đã qua, trong lúc tinh thần quốc gia của muôn dân lên cao, với tài đức hiếm có và một tầm nhìn rộng rãi, vị vua trẻ đó (lên ngôi năm 19 tuổi) đã đẩy mạnh lịch sử dân tộc tới một mức tiến bộ đáng khâm phục.

Thật thế trong 38 năm ở ngôi, nhà vua đã hoạt động tích cực không ngừng trong mọi lãnh vực: nào đánh Chiêm Thành mở rộng bờ cõi về phương Nam (1470-71); nào xếp đặt quan chế, việc cai trị (lập ra lục bộ, lục khoa); nào chăm lo vấn đề dân sinh (hưng nông, lập nhà tế sinh để trông nom người già yếu, đau yếu); nào sửa sang luật lệ, phong tục (bộ luật Hồng-Đức); nào mở mang văn học...

Những về phương diện văn học, công nghiệp của nhà vua thật cũng đã lớn lao: mở rộng nhà Thái học, tổ chức các khoa thi hương thi hội, dựng bia tiến sĩ, lập hội Tao-Đàn, sưu tầm tàng trữ sách cũ, thúc dục biên khảo, sáng tác.

Bài viết này không có tham vọng kê cứu tỉ mỉ những thực hiện của triều Lê Hồng Đức, ngay cả trong lãnh vực văn học. Chỉ xin nhận định tinh-thần văn-học, những xu hướng văn học của thời đó, để rút ra một bài học cho chúng ta ngày nay.

Trên bình diện tổng quát, chúng ta có thể nói rằng văn học Việt-Nam đã tiến một bước lớn đầu tiên. Tình thần văn học là tình thần xây dựng quốc gia sáng suốt và tích cực. Nho học lẫn át hẳn Phật học hãy còn thịnh vào thời Lý-Trần. Và nhà vua, không những cũng trừ tác như các bậc thức giả mà còn đích thân hoạt động để «chỉ huy» phần nào văn học nữa.

Để thấy rõ, những nhận xét đại cương trên, chúng ta hãy đi sâu vào thư tịch và hoạt động văn học triều Lê Thánh Tôn, Dựa vào những tác phẩm còn lưu lại hoặc được nói đến trong các sử sách về sau, chúng ta nhận thấy trong văn học đời Hồng-Đức có hai đường lối, hai xu hướng chính : một xu hướng muốn tiến tới bác học, toàn diện xin mệnh danh là *xu hướng bách khoa và sưu tập*; một xu hướng nữa muốn chung lưng góp sức trừ tác đồng thời ngả về xã hội thôn nôi, xin gọi là *xu hướng tập thể và bình dân*.

I — XU HƯỚNG BÁCH KHOA VÀ SƯU TẬP

Xét thư tịch triều Lê Thánh Tôn, chúng ta thấy rằng không những trình độ tri thức của người hậu bán thế kỷ XV đã khá cao rộng, mà các nhà lãnh đạo văn học lại còn sớm có ý thức cố gắng tìm tòi chung đúc những hiểu biết của thời đại lại thành kinh điển, toàn thư. Công việc sưu tập do lẽ đó là một công việc tất yếu của nhà bách khoa.

1.) *Xu hướng bách khoa.*— Không những triều Hồng-Đức đã có cái vinh dự sản xuất ra một pho sách bách khoa đầu tiên, dầu không được hoàn hảo, — *Thiên Nam dư hạ tập*, — mà tình thần bách khoa lại còn ngự trị trong các sách biên khảo và sáng tác phẩm khác.

A — *Thiên Nam dư hạ tập.*— Pho sách này khởi làm năm 1483. Theo bộ *Lịch triều hiến chương, thiên văn tịch chí*, của Phan-huy-Chú, *Thiên Nam dư hạ tập* là một pho sách vĩ đại gồm 100 quyển chép đủ luật lệ, chế độ, văn hàn, sách cáo, chính sự. Tiếc rằng pho sách này đã mai một văn nên không được biết nội dung và bộ môn đầy đủ của nó. Có điều được công nhận toàn đồng là hầu hết các luật lệ đời Hồng-Đức đều được ghi nhận trong pho sách (Hồng-Đức thiệu chính thư, Quốc triều thư khế thể thức, Quốc triều khám tụng điều lệ, Quốc triều chiếu lệnh thiệu chính, Chúc thư văn khế cụ chỉ...) Ngoài ra nhiều người, trong đó có giáo sư Dương-quảng-Hàm, còn nhận rằng nhiều môn văn học khác cũng được thu tập trong đó như : sử (Chính tây kỷ hành, Chính Chiêm thành sự vụ), địa (Thiên hạ bản đồ kỷ số), và cả văn, thơ chữ Hán của nhà vua và quần thần (Minh Lương cầm tù, Văn minh cổ xúy...). Hơn nữa, dầu nằm trong hay nằm ngoài *Thiên Nam dư hạ tập*, thì thư tịch thu về một mối chủ sớ tào đàn Lê Thánh Tôn cũng bao gồm rất «nhiều khoa» văn học rồi.

Dầu sao, với số lượng 100 quyển, lại biết rằng luật pháp xưa không phát triển và phức tạp như ngày nay, chúng ta cũng có thể nhận được rằng *Thiên Nam dư hạ tập*, viết trong lúc nhận rồi như

đề mục ghi nhận, hẳn phải chứa đựng nhiều điều hơn là luật lệ của nhà vua.

Thử so sánh Thiên Nam dư hạ tập với những tác phẩm bách khoa sau. Không ai phủ nhận tài học uyên bác của Lê-quý-Đôn (1726-1784) với những pho sách giảng kinh điển, khảo cổ thư, sưu tập thơ văn, sử ký, địa chí. Ai cũng công nhận tính cách bách khoa rõ rệt và phương pháp biên khảo tinh tường của bộ Lịch triều hiến chương của Phan-huy-Chú (1782-1840), 49 quyển với 10 thiên phức biệt: địa dư, nhân vật, quan chức, lễ nghi, khoa mục, quốc dụng, hình luật, binh chế, văn tịch, bang giao. Nhưng Lê-quý-Đôn và Phan-huy-Chú có ba, bốn thế kỷ tiến hóa sau Lê-Thánh Tôn. Bước đầu trong loại sách bách khoa sao cho trọn vẹn được? Cái ý nghĩa của Thiên Nam dư hạ tập nằm trong việc làm hơn là trong dung tích.

B — Ngoài Thiên Nam dư hạ tập ra, chúng ta còn thấy tinh thần bách khoa trong các tập khác, kể cả những sáng tác phẩm.

Thật thế, tập thơ Hán của hội Tao đàn Lê Thánh Tôn nhan *Quỳnh nguyên cứu ca*, do nhà vua đề tựa năm 1494, gồm có chín mục, những mục khác lạ khó có thể thấy trong một thi phẩm hiện đại: *Phong* (được mùa); *Quản đạo* (đạo làm vua); *Thần tiết* (đạo làm tôi); *Minh lương* (minh quân, lương tướng); *Anh hiền* (các bậc hiền tài); *Kỳ khí* (khí lạ); *Thư thảo* (phép viết); *Văn nhân* (người văn học); *Mai hoa* (hoa mai).

Thế rồi tập thơ nôm nhan *Hồng Đức quốc âm thi tập*, gồm tới 300 bài, cũng lại chia ra làm bốn mục xa cách nhau: *Thiên địa môn* (trời đất); *Nhân đạo môn* (đạo làm người); *Phàm vật môn* (các đồ vật), và *Nhân ngâm chư phẩm* (linh tính).

2.) **Nỗ lực sưu tập.**— Sở dĩ xu hướng bách khoa nói trên được phát triển cũng là nhờ ở nỗ lực sưu tập của văn gia thời ấy.

Chúng ta đã biết nhà vua sai người sưu tập thư tịch cũ (nhất là của Nguyễn-Trãi) và lập kho *Bí thư* trong nhà Thái học để tàng trữ sách như thế nào. Ngoài bộ Thiên Nam dư hạ tập đòi hỏi một công phu sưu tầm lớn lao về luật lệ, sử ký, địa chí, chúng ta còn phải kể nhiều sách biên khảo khác. Sau đây là vài thí dụ:

Về sử ký, *Ngô-sĩ-Liên*, năm 1479, viết xong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* (lại toàn l). Đây là pho sử thứ ba sau *Đại Việt sử ký* của Lê-văn-Hưu đời Trần (Thế kỷ XIII) và *Đại Việt sử ký lục biên* (chỉ có viết tiếp thôi) của Phan-phù-Tiền đời vua Lê Nhân Tôn (viết khoảng 1455). Khác với hai cuốn trước, chỉ chép sử từ Triệu vũ đế (207 trước TL) trở xuống cuốn của Ngô-sĩ-Liên có một phần «ngoại kỷ» chép truyện từ thượng cổ thời đại, tức từ Hồng Bàng trở xuống.

Về truyện thần tiên, truyện cổ tích, Vũ Quỳnh và Kiều Phú vào các năm 1492-1493 sửa sang và bổ túc cuốn *Lĩnh Nam trích quái* của một tác giả vô danh từ trước. Cuốn sách này đã bảo tồn pho truyện cổ tích phổ thông cũ và cho ta biết nhiều điều về tín ngưỡng, phong

lực xưa : Truyền rùa vàng, Trầu cau, Bánh chưng, Phù đồng Thiên vương, Chữ đồng tử... (Vũ-Quỳnh còn là một sử gia, viết Đại Việt thông giám thông khảo, nhưng vào triều vua sau, năm 1510).

Về văn thơ, Vương-đức-Nhan (đầu tiến sĩ năm 1468) soạn Cổ kim thi gia tính luận gồm 5 quyển, 472 bài của 13 thi gia từ Trần qua Lê.

II — XU HƯỚNG TẬP THỂ VÀ BÌNH DÂN

Nhưng tinh thần văn học đời Hồng-Đức sẽ còn làm ngạc nhiên người đọc hơn nữa. Không những người hậu bán thế kỷ XV đã biết hệ thống hóa cái khoa học của họ mà lại còn sớm biết hướng văn học vào một con đường mà người đời nay vẫn còn đề cao nếu không là tôn sùng : xu hướng tập thể và bình dân.

Thực ra thì xu hướng tập thể và xu hướng bình dân thường đi đôi và phụ bổ cho nhau ; cái gì đã đồng thường loãng, cái gì đã nhiên thường thấp.

(.) Xu hướng tập thể.— Đây chỉ là một vấn đề tương đối, nhất là trong bước đầu. Ngày nay nói đến tập thể người ta nghĩ tới một cái gì rộng hơn : nào nhóm đoàn, nào sáng tác chung, nào phục vụ đoàn thể, nào xã hội chủ nghĩa... Xu hướng tập thể đời Lê thánh Tôn cốt yếu là ở lối làm việc và trừ tác chung. Thời ấy chưa có nhiều hội đoàn mà chỉ có một. Cũng chưa đặt ra vấn đề, mục đích, đối tượng, phương pháp, kiểm soát một cách chặt chẽ. Đó là một sự kiện do tự nhiên đưa đến hơn là một cực diện cố ý tác-tạo, có dụng ý tổ chức như ngày nay. Cái lối «chỉ huy» văn học ở bước đầu mới chỉ thô sơ, lù là như thế lại dễ chịu hơn.

Để dẫn chứng, trước hết chúng ta cần phải nhắc nhở tới một việc làm, một sáng kiến hiếm có của vua Lê-Thánh-Tôn : đó là việc lập một hội văn học. Vì tham vọng riêng của một ông vua tự xưng Thiên Nam động chủ cũng có, mà vì lợi ích chung cũng có, nhà vua tự lập 28 vị quân thần, 28 nhà văn học, 28 tinh hoa của thời đại, — nobles of the court, — thành một hội Tao đàn, với nhà vua làm nguyên-sởy cùng Thân-Nhân-Trung và Đỗ-Nhuận làm phó nguyên-sởy. Có thể nói đây là hội Tao đàn đầu tiên trong văn học Việt-Nam. Thế mà, so sánh với mấy Tao đàn thế kỷ XIX (Tùng-thiện vương và Tuy-lý vương ở Huế, Lê-Hoan ở Hưng-Yên), Tao đàn của vua Lê lại còn đứng về tinh thần và trọng về công việc hơn. Bên công việc xướng họa ngâm vịnh cổ điển, đoàn người hậu bán thế kỷ XV còn gia công sưu tập và biên khảo nữa.

Về biên khảo, trên kia chúng ta đã nói đến pho sách bách khoa vĩ đại Thiên Nam dư hạ tập. Một công cuộc bách khoa bao giờ cũng đòi hỏi sự cộng tác của nhiều người. Ở đây chỉ xin nhấn mạnh vào cái lối sáng tác tập thể của pho sách đó. Thiên Nam dư hạ tập chính là tác phẩm tập thể trọng đại nhất của Tao đàn thời đó. Sở sách cho ta biết rằng năm 1483 vua Lê đã chính thức khởi xướng việc biên khảo

trên. Chắc là phải có nhiều người viết, song những tác giả có tên tuổi nhất được kể đến là: *Thần-Nhân-Trung, Hồ-Nhuận, Quốc-dinh-Bảo, Đào-văn-Cừ, Đàm-văn-Lê...*

Việc biên khảo đời đời nhiều người đã đành, việc sáng tác thời Hồng-Đức cũng lại ư lẽ lối tập thể nữa. Tập thơ Hán *Quốc Âm* của dân trên kia có một cấu tạo đặc biệt: mỗi trong chín mục thơ gồm có một bài thơ xướng của nhà vua và 28 bài thơ họa của quần thần. Tập *Minh lương cầm lá tập hợp* những lời gấm vóc của vua hiền tương giỏi cũng là một sáng tác tập thể.

Sau nữa cần đến tập thơ nôm đã dẫn trên là *Hồng-Đức Quốc Âm thi tập* cũng lại là một tác phẩm chung. Người ta không được biết rõ tác giả tập thơ là ai. Rất có thể là sản phẩm của hội Tao đàn. Và cấu trúc vào nhan đề của thi tập (thơ Hồng-Đức), vào cái lẽ lối chung của những thi phẩm trong đó (4 mục, cùng ý, cùng điệu), chúng ta có thể nói rằng đó không phải là một tuyển tập đơn thuần, mà là một sáng tác tập thể có đường lối hẳn hoi.

2.) Xu hướng bình dân.— Xu hướng tập thể trên đây một phần nào, ở một mặt khác, lại được giải rõ bằng xu hướng bình dân. Hãy tạm lướt qua những pho biên khảo bác học, những tập thơ chữ Hán thông thái tuy rằng những tác phẩm này dĩ có rất nhiều sắc thái Việt-Nam của chúng, nhất là những điều tân kỳ độc đáo của bộ *Luật Hồng-Đức*. Xét những thi phẩm của vua Lê Thánh Tôn và thi tập *Hồng-Đức quốc Âm*, chúng ta thấy rõ ngay cái tình thần thân dân của nhà vua và của các bậc thức giả.

Thơ nôm đời Hồng-Đức có một tinh thần đặc biệt. Các thi gia thời ấy thực đã có một quan niệm thi ca khá tiến bộ: Đề tài và thi hứng không hướng về những cái gì cao quý, cổ kính ở bên Trung quốc mà trở về với Dân tộc và Bình dân; hình thức không nặng ảnh hưởng Hán học mà trọng giản dị và trong sáng.

Thật thế trong thơ nôm của vua Lê Thánh Tôn cũng như tập *Hồng-Đức quốc Âm*, ngoài những danh lam thắng cảnh nước nhà được ngắm vịnh, phần đông đề tài là những đồ vật tầm thường và cảnh sinh hoạt trong dân gian, nhất là nơi thôn nội, thời bấy giờ. Người ta vẫn thường nhắc nhở tới loại thơ «khẩu khí» của nhà vua, mọi loại thơ mà trong đó qua các sự vật rất tầm thường: người ăn mày, con chó đá, bờ nhện, cái chổi, cái chiếu..., thi gia đã khéo xử dụng lối một chữ hai nghĩa để kín đáo diễn dịch cái chí khí cao cả và cương cường của mình. Người ta không thể nào quên được những bài thơ hướng về sinh hoạt thôn nội: *Nguyệt, Canh một, Hạ thử...* Cứ đọc những đề mục của *Hồng-Đức Quốc Âm thi tập*: thiên địa môn, nhân đạo môn, phẩm vật môn, nhân ngâm chư phẩm, — chúng ta cũng thấy việc chọn đề tài, thi hứng hầu như bất thành vấn đề đối với thi gia đời Lê. Thi

đi ngày nay khi chủ trương «bất cứ cái gì cũng có thể làm nên thơ» há chẳng gặp gỡ các thi gia hậu bán thế kỷ XV rồi sao?

Nếu tính ý một chút, xuyên qua thơ nôm đời Hồng-Đức chúng ta còn lược được một ấn tượng khá linh đậm về bộ diện thôn quê Việt-Nam, bộ diện của một xứ sở nghèo nàn sống trong trạng thái sinh hoạt kinh tế nông nghiệp thô sơ dựa trên những phương pháp cổ truyền, bộ diện với những hình ảnh hầu như bất di bất dịch: con đường đất, lũy tre xanh, mái nhà tranh, cái giếng nhỏ, cây đa, ngôi chùa, người tuấn điểm, kẻ ăn xin, con chó đá, thằng mỗ, hồ nhĩn... Bộ diện thôn quê đó há chẳng là bộ diện thôn quê Việt-Nam trong thơ Nguyễn-Khuyến (thế kỷ XIX), và bộ diện thôn quê V.N. trước biến cố 1945 hay sao? (Bộ diện bất di bất dịch đó cốt yếu là giải thích bằng nền kinh tế nông nghiệp thô sơ nghèo nàn kéo dài hàng bao thế kỷ nói trên.)

Bước qua phương diện hình thức, chúng ta lại thấy rõ hơn sự trở về với Dân tộc và Bình dân của văn chương hậu bán thế kỷ XV. Những bài thơ khâu khít tả sự vật tâm thường kể trên thật cũng bình thường giản dị như đề mục. Người ta vẫn đề cao tinh cách Việt-Nam. Trong sáng và Giản dị trong thơ Nguyễn-Khuyến. Ở đây chúng ta thấy có một sự gặp gỡ lớn lao, cả về hình thức và nội dung, giữa một số thi phẩm đời Lê với một số thi phẩm của Nguyễn-Khuyến: Nguyệt, Canh một, Hạ như... (Hồng-Đức), các bài về mùa Thu, mùa Hè của Nguyễn-Khuyến. Bốn năm thế kỷ đổi thay đi rồi lúc đặc người thế kỷ XIX, và cả một số chúng ta ngày nay, lại trở về lối cũ trên con đường Dân tộc và Bình dân!



Chúng ta vừa phác họa một vài xu hướng chính trong cái tinh thần xây dựng quốc gia tích cực của nền văn học hậu bán thế kỷ XV, dưới sự thúc đẩy của vua Lê Thánh Tôn.

Phạm vi nhỏ hẹp dành cho bài này đã buộc phải lướt qua các dẫn văn, và chưa cho phép đề cập lời nguyên nhân sâu xa của sự trạng chẳng vấn đề giá trị của sự trạng đó.

Đầu sao, — đầu chưa trọn vẹn, đầu còn nặng đầu óc bao dung (paternalisme), — ở trong quãng đường lịch sử đó, nền văn học đời Lê Thánh Tôn đã ghi một bước tiến bộ lớn lao đầu tiên giúp mạnh cho sự thịnh đạt văn học sau này.

Và bài học kinh nghiệm là: cảnh sinh hoạt văn học sâu uất, những đường lối mới bạo đưa ra thời đó nhắc nhở chúng ta sự cần thiết của một «chính sách» (danh từ Lê-văn-Siêu) văn học. Phải có một chính sách mới bạo chúng ta mới mong vượt qua được bước đường hỗn mang hiện tại. Thử nghĩ xem: chúng ta đã có một nền cổ học (humanités) thừa, chúng ta có những phương tiện vật chất gì để thực hiện một chương trình, và chúng ta đã nắm vững ý chí của chúng ta là muốn đi lối nào chưa?

LÒ LUYỆN NGƯỜI

Gửi Tuấn, Văn
N. S.

THÊN chuyển lâu về Mỹ-Tho Tâm ngồi thu hình trên một góc ghế. Anh không nhìn người hành khách ngồi trước mặt để quan sát như thường lệ. Anh cũng không nhìn ra ngoài cửa sổ toa tàu. Đôi mắt lặng lờ, lơ đãng. Những ấn tượng của hai ngày vừa lưu lại thủ đồ nổi bật trong lòng anh với màu sắc của những sợi mây xanh trên một bầu trời lộng lẫy. Anh đợi về thủ đồ ở trọn một tháng. Anh đã đứng chân vừa đúng hai ngày. Lần từ già này Hoàng cũng không đưa Tâm ra ga bởi vì một lý do dân dị: Tâm đã đi như một người trốn tránh — Bấy giờ Saigon đã lùi lại phía sau — Có một phút anh muốn bỏ xuống một ga xép để trở lại. Thành phố Saigon ở đằng sau như bất buộc lấy anh bằng một thứ giây chun co kéo. Nhưng anh vẫn ngồi yên — Đôi vai lắc lư — Vài sợi tóc ngã xuống mang tai bên trái. Anh nghĩ đến Hoàng đang tìm anh trên những hè phố Saigon. Và những bức thư nguyên rủa sẽ nhận được trong hai ngày nữa. Hoàng sẽ vạ vạ, đoán già đoán non, trách cứ, đe dọa. Hoàng sẽ hoàn toàn có lý. Anh đã hẹn ở với Hoàng đủ một tháng từ suốt một năm nay...

..

Ý định trở về Mỹ-Tho chưa hề ám ảnh Tâm trong những giờ phút đầu tiên đặt chân xuống thành phố Saigon. Từ ga chính anh đã lấy xe đi thẳng về Gió Bắc để đợi Hoàng. Từ suốt một năm, chính anh cũng khao khát trở về để « hít một vài cây khói », « uống vài ly cà phê » với bạn.

Ngay mười lăm phút ngồi đợi ở Gió Bắc, tuy chưa nhìn thấy mặt Hoàng, những cảm giác khoan khoái đã xâm nhập vào Tâm như một chất ma-túy đến từ không khí bụi bặm của Saigon.

Cơn mưa tháng sáu vừa lất trên giấy phố dài lấp gầy nên một sức nóng oi ả. Tâm đã phải lau những giọt mồ hôi lấm rấm trên trán. Tính Tâm thoải mái tụt vào từng thớ thịt khi mắt anh bắt gặp những giọt cà-phê đen sánh dính đọng như một chất keo loãng ở trong lòng chiếc tách trắng nền.

Ngay bây giờ anh cũng biết rằng trạng thái khoan khoái đó không quá đáng, không có gì là quá đáng! Tất nhiên dưới Mỹ cũng có cà-phê. Cũng đen, cũng nóng, cũng đặc sánh như để dính chặt vào khóe miệng là đem lại cho đầu lưỡi cảm giác nếm một chất có âm thanh của một bản hợp tấu dị kỳ. « Cà-phê vẫn là cà-phê nhưng

vẫn chưa phải là cà-phê ». Trong một bức thư anh đã viết cho Hoàng như thế.

Đã có lần anh muốn bảo người chủ quán ở bên giòng sông xanh dưới lỵ đứng đổ cà-phê vào cốc thủy tinh như thế. Phải dùng một thứ tách trắng nõn kéo chất nước màu đen đặc sẽ bột đen. Nó sẽ bị lớp ánh sáng chói hồng tràn qua thủy tinh gây nên một màu hung đỏ. Nhưng anh vẫn chưa nói gì cả.

Bởi vì anh biết một chiếc tách trắng nõn cần thiết lắm nhưng vẫn chưa đủ. Còn phải một chiếc bát to hơn cái chén nước mắm nhưng không to bằng bát đựng bún riêu — Nghĩa là vừa đủ để đựng chiếc tách trắng — Với một khoảng trống chứa một chút nước sôi để giữ sức nóng cho cà-phê trong lòng chiếc tách.

Tâm và Hoàng thường nhắc đến những bộ ấm trà của Nguyễn Tuấn khi nhấm nháp cà-phê. Hoàng đã lý luận : « Cái bối cảnh kể ra quan trọng nhất ». Tâm không nói gì. Nhưng anh nghĩ rằng người hưởng thụ bao giờ cũng muốn sống trong một tình cảm thanh cao. Nên cách pha cà-phê cũng gây được nơi người thụ hưởng một cảm tình có lẽ tương tự như tình cảm của người xưa bên những bộ ấm tách màu gan gà.

..

Khởi thuốc lá và màu cà-phê buổi chờ đợi để làm Tâm khoan khoái. Nhưng còn một yếu tố. Anh chờ đợi gặp Hoàng. Cà-phê dưới Mỹ kém ngon đối với anh một phần vì kỹ thuật, « trình bày » kém nhưng sở dĩ anh thấy mất ngon một phần cũng vì thiếu bạn. Mỗi khi chiếc thìa trắng khuấy đường làm vang một vài tiếng động nhỏ. Hoàng vẫn thấy thiếu. Tiếng động lách lách của chất kim khí và chất thủy tinh va chạm, mang âm hưởng của tiếng đá vang từ lòng một thung lũng quá sâu. Tâm không nói một lời nào cả. Anh nghe ngóng bởi vì anh không thể nói với ai được cả. Năm ngoài mỗi lần khuấy đường trong tách cà-phê Tâm và Hoàng vẫn gột gủ bảo nhau :

— Hình thức được !

Rồi khi nhấm nháp :

— Nội dung khá !

Những lần phải uống ở quán nước gần trường thì thế nào họ cũng kéo lên :

— Nội dung tạm được nhưng hình thức kém lắm !

Từ khi thật sự bước vào nghề giáo học, suốt một năm ở Mỹ-tho, Tâm không còn được gặp dịp « bóp méo » những danh từ nghề nghiệp như khi còn tập sự ở thủ đô.

Nhiều lần anh muốn gặp Hoàng lắm. Nhưng Hoàng không xuống Mỹ-tho được. Và anh không thể về thủ đô.

..

Ngày đi Hoàng bảo Tâm :

— Đi làm quái gì !

Nhưng anh thấy không có lý do gì để chối từ. Anh đã đổi nghiệp. Anh được bổ nhiệm ! Phải đi xa Saigon ? Nhưng nếu ai cũng muốn ở lại cả thì lấy ai đi ? Anh nghĩ thế nên đã nhận việc. Không phải vì lý luận theo một tinh thần « anh hùng hảo hớn » hy sinh vì nghĩa vụ. Một thân một mình đi hay ở đối với anh không phải là một vấn đề gay cấn lớn lao.

Anh đã hứa hẹn với Hoàng anh sẽ trở về Saigon mỗi tháng ít ra một lần. Nhưng rồi mãi đến lễ Giáng Sinh anh cũng chưa về. Tết cũng không. Lễ Phục Sinh cũng không. Bây giờ thắm thoát đã trọn một năm học. Những bức thư mang nặng những lời lẽ trách cứ của Hoàng vẫn đều đặn đến tay Tâm mỗi tuần lễ. Những ước đoán. Những hứa hẹn. Và những nguyên rủa không tiếc lời. Hoàng càng giận dữ, nguyên rủa Tâm bởi vì anh không thể rời bỏ gia đình ở Saigon dù lấy một ngày để xuống lời Tâm lên.

Nhiều lần Tâm muốn viết thư tâm sự với bạn về cái lý do đã đưa anh đến chỗ thắm thù chuyển dịch. Nhưng anh ngại ngại. Chắc gì Hoàng sẽ tin. Chính anh cũng thấy nó có vẻ vô lý lắm. Nhưng sự thật anh đã nhiều lần sửa soạn để lên Saigon. Rồi lại thôi. Lại nói bằng quơ để khỏi tác trách với chính mình : « Đi làm quái gì ! Đi rồi cũng phải về, chỉ lỡ thêm buồn » ... Tâm cũng đã viết cho Hoàng như thế. Hoàng lên án anh là đồ nguy hiểm. Ấy thế mà cái lý lẽ bằng quơ đó mới chỉ là cái lý lẽ bề ngoài. Còn những lý lẽ vô lý gấp ngàn lần. Những cái lý thậm vô lý nhưng vẫn là một lý. Tâm nghĩ thế nhưng anh không bao giờ dám viết trong thư sự bạn cho rằng mình muốn liếng bác liếng chỉ nên nói quẩn, nói quanh.

..

Lên lên Saigon đầu liên này sau một năm nấn ná, ngại ngại thì anh sẽ nói với Tâm tất cả.

Cả những đêm thao thức. Cả những tình cảm rạo rạo trước một lớp học buổi đầu — Và những cảm tình thắm thiết — Những công việc đuổi theo với một sức say mê thắm đậm.

Cả những kinh nghiệm bản thân. Cả những hình ảnh. Nhất là những hình ảnh. Bởi vì chúng vừa dịu ngọt vừa đau đau se thắt — Những hình ảnh xuất phát từ những đám cỏ xanh, những bờ tường tươi trẻ của trường Sư phạm, nơi mà Hoàng đang học tập — Có lúc Tâm muốn vì điểm xuất phát đó với lỗ xoáy sâu thẳm của hỏa diễm som.

Tâm đã nghĩ rằng những kinh nghiệm ban đầu anh đã sống trải do chắc cũng đã bắt đầu xoắn chặt lấy Hoàng.

Năm nay cụ giáo già có mái tóc hoa râm bán cũng đánh những giờ học cuối năm để truyền thụ ít nhiều kinh nghiệm

giáo khoa cho những người sắp được gửi đi bốn phương. Cái đáng người mạnh khỏe còn sung sướng trong làm tướng của Tâm những chiến trận học khi anh ngồi kiểm thảo lại những công việc đang được triển khai. Anh còn nghe văng thấy cả những giọng nói làm từ của cụ Tâm — tên cụ giáo gia — trước ngay giả biệt:

— Rồi các anh sẽ thấy những gì học ngày hôm nay vô cùng nhỏ bé bên cạnh kinh nghiệm đời tư và chạm. Các anh đã học tâm lý của con người. Nhưng ngày mai anh sẽ có dịp nhận biết tâm lý của một con người mà anh phải gặp gỡ trên cấp. Đó là những cảnh rừng anh sẽ phải đánh hương, đánh hổ, khai thông. Các anh sẽ sống lại, học lại cả những bài lịch sử, địa dư nơi mỗi người học trò để quy định cho rồi cũ mới, ôn, hàn.

Giáo sư học Tâm bảo với Thanh nguyên bạn cùng lớp:

— Cụ Tâm lại phét dữ quá.

Thanh lại thường

— Sẽ « đặc »

Nhưng rồi những lời nói của cụ Tâm còn trở về với anh như lửa cuộc thêu thùa

— « Sự tu luyện ngày hôm nay của anh mới là dung đồ luyện thép trong lò. Các thầy ở lớp trước lạnh để lời trần — Sẽ có những thốt vãi bị nứt rạn vì nóng lạnh kỳ, xung. Nhưng sẽ còn những thợ thép có thể sẽ cháy, chạm đá.

Khi tiếng trống cuối cùng của buổi học cuối cùng của lớp học môn khoa vang dậy cụ Tâm còn nằm lại vài phút để dặn lũ học trò:

— Dụ các anh ở lại nghề nghiệp, dù các anh bỏ đi các anh hãy nhớ bỏ lời: đừng đem lại cho lũ trẻ con cái tình cảm anh để đến giây phút bị đời thời bay chấy. Nếu chúng nó nghĩ rằng anh không tin ở sức cao đẹp của nghề nghiệp tại làm sao nó dám tin lời giảng dạy của các anh.

Cụ ngưng lại một giây, đưa mắt nhìn từng bộ mặt đợi chờ:

— Và cũng nhờ đừng tìm cách gây cho chúng nó phẫn, làm cho chúng nó thích — Thế là tự bíp học trò — Các anh sẽ không đem lại những điều thực học.

..

Sau khi Hoàng gác xe đạp, bước vào quán cà-phê Tâm bị bọn vô vai đâm dóp. Và những cú đâm lê vai. Và những lời nguyền rủa. Tâm chỉ cười. Hoàng đặt cho anh hàng chục câu hỏi. Tâm cũng chỉ cười.

Rồi anh hỏi bạn

— Sang năm dọn nhà xuống Mỹ-Tho giấy học với tớ không?

— Đương cơ hông Lén đây thì có!

Tâm cười. Hoàng cũng cười. Trong câu chuyện huyền thoại, khoảng trễ Tâm chợt hỏi bạn:

— Thế nào, hôm nay có được nghe cụ Tâm « tán phét » về đạo

— Cọ chết ba tháng nay rồi còn đâu !

Tâm lặng người, một phút sau anh mới hỏi bạn :

— Sao cậu không viết thư kể cho mình biết ?

Hoàng vẫn lại :

— Anh có hỏi tôi quá đầu mà tôi viết, anh ?

...

Sau một ngày một đêm đưa nhau đi bù khú thỏa thuê, Tâm và Hoàng mới bắt đầu nói chuyện làm ăn. Thốt ra Tâm muốn bán học, Tâm sự với Hoàng từ ngày tới hôm đầu. Từ ngày sau khi Hoàng nói với anh về cụ Tâm : « Chết ba tháng nay rồi còn đâu ! » Tất nhiên anh biết rằng bạn cũng đã học qua những gì anh đã học, đã được « đúc cùng một lò » nhưng thiếu cụ Tâm, Tâm vẫn thấy ngại ngùng cho bạn. « Có thể Hoàng đã được luyện hơi non. Có thể sẽ nứt rạn. Nhất là một người vô tư như Hoàng, lúc nào cũng vui đùa, tươi trẻ ... »

Khi Tâm nói với bạn về chuyện giấy học, Hoàng vẫn chưa muốn đi vào câu chuyện :

— Còn mấy tháng nữa cơ mà. Rồi mình bán sau ngại gì !

Nhưng Tâm vẫn muốn nói. Hoàng không thỏa thuận lắm, tất nhiên Tâm kể cho bạn nghe những cảm tưởng đầu tiên, những trở ngại, gặp khốc chán nản, hy vọng qua những trường hợp khá điển hình. Thành thoảng Hoàng vẫn cắt ngang lời anh :

— Thế nghĩa là chúng nó là bày hổ đói mà cũng lại là thiên thần.

Có lúc Hoàng tỏ ý nóng ruột, chàm biếm khôi hài :

— Tóm lại mình phải vừa cương, vừa nhu, hi, nộ, ái, lục đủ mọi lược chữ gì. Thôi, đã rút hết kinh nghiệm chưa cụ?

Tâm không giận bạn. Anh chỉ thoáng cảm thấy như bất lực trong khi diễn tả để bạn hiểu những trở ngại của ngày mai. Anh đã nhắc lại cả lời nói của cụ Tâm để kết thúc :

— Cần nhất cậu nhớ đừng tìm cách gây cho chúng nó phục, đừng làm cho nó thích. Thế là lừa bịp học trò. Mình không đem lại cho chúng những điều thực học.

Hoàng phá lên cười đầm vào vai anh :

— Gàn bét sách ! Thật « là cây » gàn bét sách.

Anh không trả lời — Để mặc Hoàng kể huyền thoại những chuyện tếu nghịch trong năm học vừa qua, Tâm nhìn ra ngoài cửa sổ — Đến khi anh quay lại thì Hoàng đã ngủ co quắp ở bên anh.

...

Nhìn bạn ngủ đêm hôm qua Tâm đã sống lại cái tình cảm vừa đau buồn vừa kiêu hãnh vừa ray rứt miễn yếu khi anh nhìn những người học trò trẻ bé.

Nhiều lần trong sự chung đụng, gặp gỡ hàng ngày anh muốn thân thiện với chúng nhiều hơn. Anh muốn thăm hỏi chúng về gia đình, hoàn cảnh cá nhân. Anh muốn cùng sống với chúng một lý tưởng cam-

một cốc đậu đỗ, ăn một đĩa thịt bò khô trong giờ chơi. Nhưng anh vẫn chỉ đứng trong gian buồng nhỏ bé tới tận bình minh « phòng giáo sư ». Anh biết rằng không thể bước ra ngoài một bước. Không thể đi lại đâu sân đằng kia như mong muốn.

Anh muốn chùng chùng nhưng không thể chùng chùng được. Anh muốn mếu mếu nhưng không được nói rằng mếu mếu. Hề còn sửa phạt, thúc đẩy, khuyến khích, kích động. Sự đơn độc của người chỉ huy vốn cần thiết anh đã biết như thế từ lâu. Nhưng anh vẫn không ngờ rằng đơn độc đến như thế.

Hoàng vẫn chưa biết một tí gì cả. Và anh không thể bảo Hoàng được một tí gì cả, không thể khuyên nhủ bạn được một tí gì cả bởi vì dưới mắt bạn, anh là một « cây gài », một « cây quan trọng hóa », bởi vì Hoàng đang gác cả đầu gối lên bụng anh.

Phải rồi ngày xưa anh cũng bảo rằng cụ Tằm tàn phét — Nhưng vẫn còn một khoảng cách — Và anh đã bắt đầu nghĩ ngợi, suy nghĩ ngay từ khi quấy đảo, phàm bình — Phàm bình nhưng mà vẫn nghe ngóng. Phàm bình để mà che giấu một sự thần phục, tin yêu.

Cái khoảng cách đó anh cần phải lấp nên giữa anh và Hoàng. Anh thấy rất cần — Phải làm một cái gì để đem lại cho lời khuyên nhủ của mình giá trị của một lời khuyên — Có lẽ Hoàng sẽ giận mình là quá đáng. Nhưng Hoàng sẽ suy nghĩ. Hoàng sẽ bị nung đốt bởi sức lửa để khỏi nứt rạn ngày mai.

Phải làm một cái gì ! Phải làm một cái gì ! Anh nghĩ như thế cho đến lúc ngủ thiếp đi.



Sáng hôm sau trong lúc Hoàng còn rửa mặt Tằm đã lặng lẽ đi ra cửa. Anh đi chậm rãi vì biết chắc bạn không thể ngờ rằng mình đang đi ra' ga.

Hãy giờ thì Mỹ-Tho đã bắt đầu lộ ra ở bên kia hàng cây xanh. Chuyến tàu của anh đi sâu vào giữa màu xanh. Và sáng mai anh sẽ đi thẳng vào giữa màu xanh của lớp học. Mai anh sẽ giẫy tư cho lũ trẻ. Lại đi vào gian buồng xanh bát ngát như màu trời. Lại đơn độc hết sức. Chỉ nói nhưng không cười đùa, cợt nhả. Chắc anh sẽ nhớ Hoàng hết sức. Nhưng anh sẽ không lên Saigon. « Không gian cách biệt sẽ là một sợi giây truyền nhiệt từ một thời sôi đỏ lửa thay một thời sắt đang nguội ». Tằm đang nghĩ như thế khi chuyến tàu đỗ ở sân ga.

NGUYỄN SA



KHAI TỬ CỦA MỘT BẢN ANH HÙNG CA

O million de chrétiens aux yeux sombres et doux
A. Rimbaud.

- THI SĨ - Xin im lặng ! Xin im lặng !
Bắt đầu
- HỢP XƯỚNG - Có thấy chúng ta đứng giữa đồng bằng phi nhều tăm hồn
Trên triền núi cao lòng thương yêu
Đêm chỉ là màu ánh sáng quai địu
Những ngôi sao những thế giới thờ ăm không gian
thần mội
Hãy khép mắt khép mắt thật khẽ
Mỗi hơi bằng hoàng ngực hơi với rừng một ngôi sao bằng
Có thấy chúng ta là hoa cỏ dưới bàn chân
Đến gặp nhau bối rối như bầy chim ngói
Tay còn nồng hương đất ruộng vườn nhà
Thơm mùi giấy trắng mực in tiếng máy
Muôn ngàn cuộc đời tuyệt đối muốn trủ vào đời con người
Những giấc chiêm bao tri não muốn buồn muốn vui
muốn khóc
Hãy khép mắt khép mắt thật khẽ
Giám lấy những ảnh hình vĩnh cửu trong như một
tiếng kèn thất thanh
Có thấy chúng ta biến thế những cảnh tay biến xanh vô
vô những cảnh tay rừng hoang choàng rết
Giòng nước mắt cỏ xuống những con sông đời đời
thầm nín
Hãy khép mắt khép mắt thật kín
- NGƯỜI MÚ - Tôi xin hát bài :

THÀNH CA CUỘC ĐỜI HÔM NAY

Đêm ở trên trời đêm rơi nhẹ nhàng
Tiếng nói người con gái ngọt những mùi cam mùi bưởi
Để quên cũ.

Đêm ở trên trời đêm rơi nhẹ nhàng
Anh là người phiêu lưu gặp lại quê hương
Âm thanh luôn qua ngõ tay vào vịnh biển

Đêm ở trên trời đêm rơi nhẹ nhàng
Em cười thầm yêu đến như tóc gió chao trớn
Em ơi địa cầu thì nhỏ

Đêm ở trên trời đêm rơi nhẹ nhàng
Đêm rơi thành ánh sáng anh tìm được em gói dần vai
anh

Và bây giờ vũ trụ bao la

NGUYỄN XUÂN - Có thấy chúng ta sống hẳn nhiên như mây là ngàn mùa
Không thức giấc vì sao buổi mai kia sương trắng khóc đầy
Vì sao mặt trời bay lùi thối
Trái tim đập một mình
Chúng ta đã đan những ngón tay kết những hơi thở
buộc những cảm tình

Thành anh em sự chông bằng hũ
Vì tuổi mới ngoan biến hay giận dỗi
Vì núi trang nghiêm mưa an ủi
Chúng tôi là loài sinh vật hiền từ
Ngày qua thường khóc kêu cầu sự nghỉ ngơi
Lặng ngẫm thơ làm khi giới
Có thấy chúng ta đã bung bát cơm không hàm cù
miếng bánh không đen

Chúng ta mở được cửa sổ lên khoảng trời xanh
Cuộc đời trong trong vườn mình mặc áo mùa xuân
Bếp lửa chập chờn liếng tho thắm nụ cười chày đỏ
Những buổi tối đọc sách hàng chữ ngạo thẳng như lòng
người

Hay đến đây hẳn hoan vui tri thức trong sạch
Hãy khép mắt khép mắt thật khẽ
Có thấy chúng ta rơi vào giấc ngủ sâu vào những giấc mơ
Hương hoàng lan lẫn mãi tóc người yêu
Xa ngoài thành phố bằng lạc đường
Tại sao cánh đồng hoang liếng kêu rú ruồi
Tại sao cánh rừng cháy tôi một mình
Người nào ngã đầy người nào chết đáng than tởn
Hãy khép mắt khép thật kín
Và chúng ta rơi vào cơn ác mộng một mình

(Tối đen. Im lặng)

NGƯỜI MÙ - Tôi xin hát bài

THÀNH CA NHỮNG NGƯỜI ĐÃ CHẾT

Bây giờ vào mùa thu trời xuống thấp buồn vô cùng
Thành phố ngủ như con vật kiệt sức

Người ta nằm im trên vĩa hè trong lỗ cống dưới gấm cửa
lòng sông ngoài đất trống
Người ta nằm im những phiến đá sau cơn địa chấn bằng
hoàng

Không ai dọn dẹp không ai chôn cất không ai vắng mặt

Bấy giờ vào mùa thu trời xuống thấp buồn vô cùng
Không còn lấy một tiếng kêu tiếng rên la
Vì giận đi tới đã chết

Nhưng ta nghe tiếng đập trái tim

Giữa một địa tha ma

Bấy giờ về mùa thu trời xuống thấp buồn vô cùng
Ta chạm đầu tay màu nổi cảm phần niềm tủi cực
Trên mí mắt nhiệt tình nơi lòng lệ
Trong cỏ cây tiếng biển lời rừng
Muốn vãn xao xuyến chưa kịp từ biệt nhau

Bấy giờ vào mùa thu trời xuống thấp buồn vô cùng
Những kiếp hơi thở còn quuyến lấy mọi hồn
Người vắng mặt có mặt đắm thắm óm đêm tối
Ta ngó thời gian như soi gương
Cuộc đời bao giờ cũng chỉ là một

(Im lặng)

KHÁN GIẢ I — Người là ai? Người hãy khua đi vào sân khấu!

KHÁN GIẢ II — Người là ai? Ở đâu? Bao giờ?

KHÁN GIẢ III — Tôi muốn hỏi tại sao đứng ngoài chỗ ấy?

THI SĨ — Xin im lặng! Xin im lặng!
Tôi vốn là thi sĩ

KHÁN GIẢ I — Thế nào là thi sĩ?

(Ồn ào)

KHÁN GIẢ II — Phải thế nào là thi sĩ?

KHÁN GIẢ I — Mau lên

THI SĨ — Tôi vốn là thi sĩ người nghèo hèn
Không gia tài không địa vị không khi giờ
Đến đây cất lên lời kêu gọi
Người nào chưa có ánh sáng tôi có tiếng kêu ánh sáng
(Và bình minh và mây trắng và trời xanh)
Người nào không có ngày mai đây danh tự ngày mai
(Và phá cửa và trẻ con và đêm ấm)
Người nào thiếu tình yêu thiếu tự do
Thì chút mất chút mới chút thờ
Tôi mang theo tôi một thế giới

Hoa cỏ chim muông thời gian vũ trụ
Lòng hy vọng niềm tin linh bằng hữu chiến đấu
Và giọng nói quở trách của một người

KHÁN GIẢ I — Tôi không cần những danh từ

THI SĨ — Tôi làm gió làm mưa xuống những tâm hồn khô nẻ
Đốt lửa cháy những tâm hồn lạnh lẽo
Và sinh ra đời nơi ca cuộc đời nơi ca loài người
Tôi nói tiếng yêu đương cùng hương lai
Nhưng hát lời nổi loạn chống kẻ địch

KHÁN GIẢ I — Tôi không cần không cần những danh từ
Đi vào

KHÁN GIẢ II — Nhưng hồn chúng tôi hoàn toàn hơn thương đê
(Và thương đê đã chết)
Ngày mai ánh sáng hay lại đo
Chúng tôi đều đầy đủ
Chúng tôi sống tự nhiên như mặt trời
Người nói sao khi ấy?

THI SĨ — Tôi xin trở vào nếu ai trả lời câu hỏi này :
Budapest là gì ?

(Im lặng)

KHÁN GIẢ I — Tôi tố cáo nó là thằng phù thủy
Budapest Budapest là vô nghĩa thần chú dị đoan

KHÁN GIẢ III — Không tôi muốn biết Budapest là gì ?

KHÁN GIẢ II — Phải Budapest là gì ? Budapest là gì ?

THI SĨ — Hãy nghe

NGƯỜI MÙ — Budapest Budapest phải chăng là thần thoại
Budapest Budapest phải chăng là cổ tích
Ngày xưa người ta gọi Budapest tên một tròng
Hay một loài hoa kiêu
Một tiên nữ bị đày xuống trần
Một con ngựa điên thêu trụi cây cối
Hay chính những người tôi gặp không trông thấy
mặt đầy
Tôi không rõ nữa

KHÁN GIẢ I — Hay Budapest nghĩa là người mù

KHÁN GIẢ III — Người mù đến đơn suốt đời tìm ánh sáng

THI SĨ — Xin im lặng ! Xin im lặng !

NGƯỜI MÙ — Tôi móc lấy mắt tôi nhai ngấu nghiền như đùa trẻ con
tính nghịch

Ồ ! Budapest Budapest Budapest
Nổi cuồng điên cổ độc riêng tôi

Phải như thế không ?

Tôi ném trả bên ngoài chổi từ ánh mai ăn huế
Ghi nhớ một lần ánh hình nhực nhũ và âm giữ một đời
Không bao giờ chổi được sống làm kẻ có tội

Ồ Budapest Budapest Budapest

Tôi muốn không bao giờ quên không bao giờ quên
Hay Budapest là người lính với mái tóc đầy độc ác
Buộc tôi vào đêm tối không tha

Ồ Budapest Budapest Budapest

Về đêm mùa đông lửa ấm thành mười
Và tiếng ai vào trong máu hãy đi tìm một tiếng nói
Thì ta cứ coi như một câu chuyện thần tiên mà kể

Ngày xưa ngày xưa

Cổ ru hồn mình về sâu mới

Một chúng hoàng tử đẹp yếu nồng công chúa xinh tươi

Nhưng bỗng chàng bỏ công chúa mà lang thang

Nào ai biết lang thang để làm gì

Nhưng chúng nghe nhỏ to giống với cánh chim rừng già
núi thẳm

Chàng vượt hết mọi đèo mọi sông mọi biển

Người kể chuyện cũng không rõ chàng tìm kiếm chi

Mãi mãi rồi hoàng tử gặp người đẹp cứu nàng thoát
khỏi vuốt gấu tinh

Người đẹp ấy ai biết không

Là nàng công chúa xinh tươi của chàng

(Người mở vào)

KHÁN GIẢ 1 — Ô Budapest Budapest Budapest

Là tên chàng hoàng tử nồng công chúa loài yêu tinh ?

THI SĨ 5

Tôi nhận rằng thơ vô ích như những trận mưa

Như những cái hôn bóng gió những giấc mộng đêm hè

Như tiếng hát họa mi hay sơn ca đầu xóm

Bầy lừa lỵ thảo luận luận

Đàn tay hẹn hò đón mình ở một ngã tư

Căn nhà cũ không kỷ niệm không thần linh hồn thời gian

Bãi trống cỏ may và trính nữ

Hình như chúng ta tới đây đây phải đi qua mùa thu

Còn đường quen thuộc hơn một ngõ xóm hùn

Chúng ta đi một mình hai người — bạn hay tình nhân —

Hay với cả gia đình

Hèo may may may ngất về trên trán

Mối sầu một mình — a — vạn cổ sầu

Vài hình ảnh riêng chút hành lý

Tôi xin kể truyện

Ô Budapest Budapest Budapest

Dù biết chắc chẳng ai chú ý đến thơ

Vì chỉ có kẻ điên mới đi mua khi trời

Phải không những em bé ngồi lằng lằng chót vót ?

Tôi muốn hôn nỗi buồn trên bàn chân

Ướt tiếng ly rơi vỡ nặng nề bầy tóc khố

Và ngã lộn trong đêm xoáy mắt em

Ngủ xuống vực hy vọng

Hãy khua động hai bàn tay sạch sẽ

Tưởng thiên nhiên dựng chqm ánh sáng lung lằng

Rang chuyển thân thể tôi giữa ruột đất

Một vì sao thường để bao nhiêu năm rụng đổ mới em ?

TRẺ CON — Muốn nghìn năm

Mãi mãi

HỢP XƯỚNG — (trong khi đọc đoạn này thì mắt mở lên)

Ô Budapest Budapest Budapest

Người ngồi ở đâu ? Hà-nội hay Paris New York hay
Varsovie

Ô Budapest Budapest Budapest

Nhìn lên sân khấu học thuộc lòng mỗi lời

Ô Budapest Budapest Budapest

Tên một thành phố hơn một thành phố

Ô Budapest Budapest Budapest

Thăm kịch thần thoại ác mộng hay giữa đời

Ô Budapest Budapest Budapest

Budapest Anh hùng ca.

Tháng 6-1957

THANH TÂM TUYỀN

(Trích Budapest Anh hùng ca)

VĂN CHƯƠNG VÀ SIÊU HÌNH HỌC

HOÀNG THÁI LINH

MUỐN giới thiệu một sự kiện gì (người hay vật), thiết tưởng nên nói lên cái đặc điểm nhất của người hay vật đó. Để giới thiệu văn chương Âu châu hiện đại nói chung và văn chương Pháp nói riêng, chúng tôi đã chọn đầu đề : « Văn Chương và Siêu hình học », vì nét đặc biệt của văn chương đó là tinh cách triết lý của nó.

Đĩ nhiên, những A. Camus, J. P. Sartre, André Malraux v. v... mỗi người có sắc thái riêng, không ai giống ai ; nhưng tất cả đều gặp nhau trên một vài nét chính. Lời nói, giọng nói của họ khác nhau, nhưng hình như họ đều bắt đầu từ một khởi điểm, cùng bàn đến một vấn đề.

Trước khi giới thiệu từng người, chúng tôi xin trình bày cái căn bản chung của các nhà văn đó.

KHỞI ĐIỂM CHUNG

Tháng chạp 1940, trong buổi diễn thuyết do Ủy Ban Văn Hóa Liên Hiệp Quốc (UNESCO) tổ chức ở giảng đường đại học Sorbonne, Malraux đã nói : « Cuối thế kỷ XIX, Nietzsche lớn tiếng tuyên bố Thượng đế đã chết với một giọng bi đát. Và ai cũng hiểu câu đó muốn nói gì ; câu đó có nghĩa là từ đây người sẽ làm chủ cuộc đời mình vì Thượng đế đã chết. Nhưng ngày nay, vấn đề đặt ra cho chúng ta là ở trên mảnh đất Âu châu cũ kỹ này, con người đã chết hay chưa ? »

Câu hỏi trên của A. Malraux đưa chúng ta vào bầu không khí chung của văn chương Âu châu. Đó là một bầu không khí thắc mắc, hoài nghi, băn khoăn, muốn đặt vấn đề lại những giải pháp đã biến thành tin tưởng của những thế hệ trước.

Một cách hết sức lỏng lẻo, ta có thể xác định văn hóa Âu châu từ phục hưng đến đầu thế kỷ XX như một nỗ lực giải phóng con người từ lương, cảm xúc, chính trị khỏi vòng cương tỏa của Thiên Chúa giáo thời Trung cổ, đề tiến lên chỗ độc lập. Con người cần đạt muốn tự trách nhiệm lấy cuộc đời mình, xây dựng nó mà không cần đến tôn giáo, thần thánh giúp đỡ, vì nghĩ rằng chính tôn giáo làm cho người ý lại, mất tự tin. Nói khác đi, tôn giáo chống lại một nhân bản lấy người làm căn bản và cứu cánh sau cùng. Từ chỗ tin tưởng đó, con người cận đại Âu châu tin rằng có thể xây một xã hội hạnh phúc, lối đẹp, người thân ái với người. Những Saint-Simon, Marx,

Proudhon, v. v. . . mir ước thực hiện một thế giới đại đồng. . . Những Kant, Hegel, Auguste Comte... nuôi triển vọng đặt một cơ sở lý thuyết cho sự thống nhất nhân loại, dựa vào lý tính phổ biến.

Đặc biệt là tính cách lạc quan của lòng tin tưởng đó. Lạc quan vì cho rằng có thể thực hiện được trên đời này sự hòa hợp giữa người với người về tư tưởng, quyền lợi, và hạnh phúc, hòa bình bằng sức cần lao, phát minh khoa học, kỹ thuật. Nhưng lại sao lạc quan? Vì tin tưởng đó chỉ là mơ ước, lý thuyết trừu tượng. Nhưng thực ra có sự ly dị bí ẩn giữa cuộc đời thật thực và lý thuyết. Trên lý thuyết, đời có thể đẹp, chưa chán hy vọng... Nhưng thật thực, đời sống hằng ngày không thế. Con người Âu châu hiện đại đã sống qua ~~hàng~~ kỷ đại chiến, phải chịu đựng tất cả những kết quả của chiến tranh. Tù đầy, giết chóc đã làm cho họ tỉnh giấc mơ thần-thánh-hóa con người, đã giúp họ khám phá được bộ mặt thực thản phẫn con người, và do đó làm cho họ chán ghét những hệ-thống trừu-tượng, những danh từ tự do, dân chủ, hạnh phúc v. v. . . đẹp, nhưng rỗng tuếch.

Vũ trụ của chiến tranh là vũ trụ bạo động; Luật chiến tranh là tàn sát, ức hiếp, mạnh được yếu thua, vì người là kẻ thù với người. Khi người ta chưa muốn giết, người ta bắt đi đầy trong những trại tập trung. Siberie của Liên xô, Ravensbrück, Dachau, Buchenwald của Đức quốc xã là những nơi hàng triệu con người bị chà đạp, trước khi chết một cách vô ích.

Những cực hình chỉ làm khổ thân xác không đáng kể khi đem so sánh với những cực hình mà Gabriel Marcel gọi là « kỹ thuật làm nhơ bẩn (techniques d'avilissement) » tâm hồn, tinh thần, nhân phẩm con người mà ta thường định nghĩa như một giá trị, vẻ đẹp. Mục đích những người coi trại tập trung nhằm là tạo ra một bầu không khí ghen ghét, thù hận, ích kỷ, đề tiện giữa các người tù, và bắt họ phải sống theo những bản năng thú tính (nặng cho đói, rồi cho ăn ít để tranh nhau v. v. . .) Cực hình ghê gớm, vì phải sống với nhau như những con vật trong một hỏa ngục trần gian.

Cực hình ghê gớm đó, dưới một hình thức khác, là sự làm việc bó buộc một cách vô ích, không nghĩa lý gì vì mục đích là làm nhọc con người ý thức, tự do bằng cách bắt làm việc như con vật mà không gán cho nó một ý nghĩa nào.

« Tôi nghĩ rằng nếu người ta muốn tiêu diệt một người bằng thủ cực hình làm ghê rợn cả đũa giết người độc ác nhất, chỉ cần làm cho việc làm bó buộc (Travail forcé) trở nên hoàn toàn vô lý và vô ích... Nếu người ta bắt một người tù đổ nước từ thùng này sang thùng kia, rồi đổ lại thùng thứ nhất, hay nghiền cát hoặc bắt san phẳng một đồng đất rồi lại vun thành đồng đất, tôi tin rằng chỉ vài ngày như thế là người tù kia sẽ đi thất cổ hoặc phạm những tội tày đình, vì họ thả

chết còn hơn chịu đựng mãi một nhục nhã, một tủi hổ và một cực hình như thế. « Trong *Les Souvenirs de la Maison des morts* ».

Thật thế, cực hình không phải ở chỗ làm việc khó nhọc, nhưng ở lại làm việc không nhằm một mục đích gì. Người tù trong các trại tập trung đau khổ, nhưng đau khổ hơn cả là không thể gán cho sự chịu đựng đau khổ của mình một ý nghĩa nào. Đau khổ vô ích, chết vô ích.

Trong *La Condition Humaine* và *Le Temps du Mépris* của Malraux, cái chết bao giờ cũng cô đơn, nhưng thì sao cũng còn là sự cô đơn được nâng đỡ bằng một viễn ảnh thế giới tươi sáng lên. « Một người ngã xuống, muốn người đứng dậy », hay bằng mối tình huynh đệ giữa những người cùng một chí hướng. Trái lại cái chết trong trại tập trung là một cô đơn tuyệt đối, hoàn toàn vô ích vì người tù chết trong bùn nhơ, trong cái đê hèn của một tình thần sa đọa.

Trong cái xã hội bạo động đó, con người không còn nhận ra mình và người khác là người nữa. Đó cũng là lý do cốt nghĩa lại sao các họa sĩ Âu châu không dám vẽ mặt người lãnh lộn, nhưng vẽ một bộ mặt « lan tành » sứt mẻ, hay một bộ phận một nơi như bức họa *Guernica* của Picasso. Hội họa đã muốn nói lên sự ly dị, phân tán tình thần của con người với chính mình và với người khác. Không còn thống nhất, hòa hợp nữa.

Trước hoàn cảnh ấy, văn nghệ sĩ, triết gia không thể đứng ngoài làm khách bàng quang, tiếp tục sáng tác không dính líu đến cuộc đời thiết thực. Triết gia bỏ tháp ngà, văn sĩ bỏ tao đàn, lăn lộn với con người ngoài phố, di cư, tù đầy...

Như thế, văn chương chỉ có tính cách tiêu thụ, nghĩa là tưởng tượng hay phản lách tâm lý, hay kỹ thuật hành văn đều không còn nghĩa lý gì. Văn chương trở thành những suy nghĩ (*méditations*) về bản phận con người, về ý nghĩa sau cùng người đời và đời người. Văn chương là Siêu-hình-học.

TIÊU THUYẾT TRIẾT LÝ

Thường thường, tác phẩm nào của một đại văn hào cũng đều bao hàm một vài tư tưởng triết lý. Khi nói triết lý, không nên vội cho đó chỉ là những suy luận trừu tượng bên lề cuộc đời; Triết lý ở trong cuộc đời và bắt đầu từ cuộc sống hằng ngày. Con người triết lý là con người trong khi sống, đứng lại, thắc mắc và muốn hỏi ý nghĩa sau cùng những hành động của mình để xác định một thái độ trước cuộc đời. Nếu coi triết lý là vấn đề lập trường, ai cũng có triết lý, phải triết lý vì không ai tránh được sống và hành động. Péguy nói: « Ai cũng có một Siêu-hình-học, rõ rệt hay công khai, nếu không, không thể sống được » (*Notre Jeunesse*).

Như thế văn chương, triết học, chính trị chỉ là những hình thức biểu lộ khác nhau lập trường của con người trước người đời và đời

người. Khi nói văn chương có tính cách triết lý, không có ý bảo văn nghệ sĩ suy luận về cuộc đời và xếp những tư tưởng đó vào một hệ thống chặt chẽ, mạch lạc như các triết gia, giáo sư ở nhà trường. Văn nghệ không phải là cái *nghĩa* cuộc đời hay xác định những điều kiện để sống, nhưng là *thể hiện* ngay lối sống, thái độ trước cuộc đời đó lên.

« Chính trong con người, trong những tình yêu, ghen ghét, trong cuộc sống đời thường hay xã hội mà con người là triết lý, và Siêu hình học không còn phải chỉ là công việc một vài giờ trong một tháng như Descartes tưởng. Siêu hình học hiện diện trong từng cử động của con tim như Pascal đã nói » M. Merleau Ponty, *Sens et Non Sens*, trang 55.

Như thế tiểu thuyết không còn nhằm mục đích kể chuyện, mô tả tâm tình nhân vật hay hoàn cảnh xã hội. Tiểu thuyết Pháp hiện đại là một trình bày *thần phận* con người trong những khía cạnh sâu xa và phổ biến nhất của nó. Sartre, Camus, G. Marcel, là những nhà triết học, đồng thời cũng là nhà văn, kịch, tiểu thuyết. Họ là những người vừa suy tưởng vừa viết văn. Do đó, ta không hiểu các tác phẩm văn chương họ viết, nếu không hiểu tư tưởng của họ. Ví dụ, không thể hiểu tất cả những tiểu thuyết, kịch của Sartre nếu không đọc *L'Être et le Néant*; không hiểu *L'Invitée* của Simone de Beauvoir nếu không đọc *Pyrrhus et Cinéas*. Vì thế, chúng ta đứng trước một thứ văn chương triết lý, không phải tưởng tượng. Đó là địa vị con người trong mối tương quan với người khác, với cuộc đời, vũ trụ, lịch sử thay thế cho mô tả tâm lý bành trướng thời trước. Dĩ nhiên nếu muốn gọi là phân tích tâm lý cũng được, nhưng như thế là còn nông cạn, mới nhìn bề mặt thôi, chưa đi sâu vào cái cốt yếu là ý nghĩa những cử chỉ tâm lý đó.

Ta có thể trình bày bí kịch trong truyện *L'Invitée* của S. de Beauvoir bằng những danh từ tâm lý học: Pierre yêu Françoise, Xavière ghen *M*, Pierre thêm muốn Xavière, Françoise ghen.

Nhưng thế nào là yêu? Yêu là tự hiến cho người mình yêu và muốn người yêu cũng tự hiến cho mình hoàn toàn: Chúng ta là một. Yêu cũng không phải yêu một phần, một cái gì của người yêu (mái tóc, đôi mắt, v. v...) nhưng là yêu một *af* (quelqu'un) và toàn thân, tất cả con người và cái vũ trụ của người đó. Đang khi sống yêu đương, hai người thấy như thời gian dừng lại, hay mình đã ra khỏi thời gian biến đổi để hòa hợp trong vĩnh viễn. Nhưng cảm giác ra khỏi thời gian chỉ là lòng tin tưởng của hai người thôi, vì lòng tin tưởng ấy thực sự là ảo vọng khi Françoise thấy Pierre yêu Xavière. Cho nên tình yêu chỉ là những khoảnh khắc biến đổi trong cái biến đổi của thời gian, vì chúng ta không thoát khỏi thời gian. Hơn nữa yêu thực sự bao giờ cũng chỉ là muốn được yêu, vì nếu có sự tự hiến hoàn toàn, sao Françoise lại ghen. Ghen là ý chỉ muốn chiếm đoạt người yêu như vật sở hữu, nghĩa là chỉ muốn một mình được yêu. Như thế không có tình yêu chân chính tự hiến vì sự thực ai cũng chỉ nghĩ đến mình. Tương giao

khối hội. Rút cục, mỗi người lại trở về cái cô đơn của lòng mình mỗi khi không được yêu. Trên mặt đất, có một chỗ Françoise sẽ bị loại ra, đó là nơi hẹn hò gặp nhau của Pierre và Xavière. Vậy bị kịch không phải là tâm lý, nhưng siêu hình. Françoise tưởng rằng có thể sống đời đôi với Pierre trong tình yêu. Xavière xuất hiện, sen vào tình yêu hai người, làm cho Françoise tỉnh ngộ, nhận thấy cái không tương của kết hợp và sự cô đơn tuyệt đối của mỗi ý thức. Vấn đề triết lý ở đây là xem giữa người với người có tương giao đích thực không.

Một truyện khác; cuốn *La Peste* của A. Camus. Cái bị kịch trong sách cũng không thuộc loại tiểu thuyết xã hội, mà là siêu hình. Bệnh dịch hạch lan tràn trong thành phố Oran bên Algérie. Thành phố bị cắt đứt hẳn lạc với thế giới bên ngoài, sống tranh đấu với bệnh dịch trong cô lập, đau thương, hy vọng. Bệnh dịch là vấn đề những tai nạn, làm thân của thân phận con người. Ai chịu trách nhiệm? Tại sao những đứa trẻ vô tội cũng thành nạn nhân của dịch? Nếu loài người được dựng nên bởi tình yêu của Thượng đế, tại sao có Đau khổ vô lý? « Tôi từ chối không yêu mến sự sống, tạo trong đó những đứa trẻ bị quằn quại đau khổ » Camus.

Đời sống có ý nghĩa gì không, « đời đáng sống hay không đáng sống » trước những cái vô lý cuộc đời? Cái gì làm cơ sở cho hành động? Một nhân bản xây trên những nhận xét đó phải như thế nào?

Đọc chuyện, chúng ta chỉ thấy hiện lên trong trí những câu hỏi về ý nghĩa cuộc đời, cái chết, mối tương quan giữa người với người, với vũ trụ.

Tiểu thuyết vì thế không còn tính chất *lãng mạn*, xa thực tế, thoát ly. Văn chương hiện đại Pháp *nhập thế* (*engagé*) không phải để xua dịu, giải trí nhưng là gây thắc mắc, suy nghĩ để nhận định một thái độ sống. Trong việc tương tác đó, cái cốt yếu không phải là hành văn, nhưng là thể hiện được ý nghĩa, nội dung của chữ, hay lời muốn nói.

Văn chương hiện đại cũng không *lãng mạn*. Tả chân biểu lộ thái độ khoa học, khách quan. Nhà khoa học đứng ngoài điều mình tả, tự xóa vì chỉ cốt mô tả đúng sự thực, có thể nào nói lên thế. Trái lại, nhà văn bây giờ đứng trong điều mình diễn tả, vì tác giả muốn gửi vào lời nói một lối nhìn về cuộc sống hay một quan niệm về đời người với một tấm lòng tin tưởng tha thiết và thẳng thắn.

MỘT NHÂN BẢN BI ĐÁT

Những vấn đề triết lý đó nêu lên trong một không khí bi đát. Bi đát trong việc tìm cho cuộc đời một ý nghĩa; Bi đát trong việc thực hiện ý nghĩa đó. Trong cuốn *«l'Étranger»* của A. Camus, con người khi ý thức cuộc đời, thấy mình xa lạ với cái thế giới vô hồn này, xa lạ

với cả những người khác. Không có gì sẵn sàng cả, là chỉ việc hưởng dụng, phải tự tìm, tự tạo. Bị dắt vì con người hiện đại không còn muốn bị lừa, sa vào cạm bẫy những hệ thống triết lý lối đẹp, nhưng trừu tượng, lý thuyết, dễ dàng quá; Bị dắt vì không còn tin tưởng vào một ý nghĩa cuộc đời do tôn giáo ban cho, hay do tiến bộ khoa học, kỹ thuật. Nhìn vào thực tại, chỉ thấy hỗn độn phức tạp hay đồ vớ mớ nhằng.

Nhưng con người hiện đại không sợ nhìn thẳng thực tại đó, trái lại muốn đi đến cùng, vì không muốn tự lừa dối, an ủi bằng những giải pháp quá đơn giản, dễ dãi.

Thái độ đó bao hàm một nhận bản mới. Văn chương không còn là mô tả, tri thức, nhưng là một giải phóng, muốn bênh vực con người trước mọi hình thức chà đạp, giằng lược con người vào phương tiện, đồ dùng.

Chính trong hoàn cảnh bị dắt đó, con người mới khám phá thấy người đồng loại cùng chung một thân phận, một kiếp người. Văn chương không còn phải là tiếng nói của cảm xúc cá nhân, nhưng là tình yêu bao trùm cả loài người, lo lắng số phận cả nhân loại và bảo vệ những giá trị phổ biến trong con người.

Không còn vấn đề gì sôi nổi hơn vấn đề sống chết của nhân loại trước đe dọa bạo động những « kỹ thuật làm như thần », trước chiến tranh, tàn sát, tử đầy. Văn chương là tiếng kêu phản kháng sự giết chóc, là chứng minh liên tục những thực tại đau đớn kinh để chống lại thói quen huy quên của người ta. Phải làm cho mọi người luôn luôn cảm thấy những thực tại bị dắt để họ không thể đọc như đọc tiên thuyết, khi những sự thực tàn nhẫn đã rơi vào dĩ vãng, biến thành lịch sử nghĩa là tạm thời ở ngoài không liên hệ đến đời sống hiện tại của họ.

HOÀNG THÁI LINH

TRẠNG QUỲNH ĐI SỨ

DOÃN QUỐC SỸ KỂ

SAU khi nghe quan đại thần họ Lưu vừa đi sứ nước Nam về thuật lại mọi việc, vua Tàu đập tay lên long án :

— Chuyến này sứ nước Nam tới đây đáp lễ, các khanh khà vì ta thì kể làm nhục hẳn một phen cho hã.

Quan đại-thần họ Lưu cúi lạy :

— Muốn tàu thành thượng, thần đã giao thiệp nhiều với bầy tôi An-nam quốc vương nên biết khó mà làm nhục được họ. Về tài ứng đối họ vô cùng, miễn thiệp. Lấy lễ mà xử thì họ cũng lấy lễ xử lại. Nếu mình giữ thái độ giao hảo, họ vẫn giữ được niềm đạm, nhưng trả miếng tức khắc khiến mình không há miệng trách họ vào đâu được. Đến mưu trí của họ, như chuyện chơi trâu thực chẳng biết đâu mà lường. (1)

Các vị cận thần khác tâu :

— Xin thành thượng an lăm, sứ An-nam ở nước họ khác, tới đây khác. Dù nhanh trí, dù tinh khôn đến đâu, hẳn cũng sẽ bị chúng thần làm nhục.

Nghe vậy vua Tàu yên tâm, cho bãi châu.

••

Một tháng sau Trang Quỳnh tới Trảng An, vào nhà công quán, ở đó Trang đã thấy có sứ Miến-Điện, sứ Triều-Tiên và sứ Mông-Cổ.

Sứ Miến-Điện tuy không là hòa thượng nhưng cũng là người sùng đạo Phật hiền lành, thực thà, tay luôn luôn lăm trảng bặt. Sứ Mông-Cổ có vẻ ngốc nghếch, bộc lộch. Duy có sứ Triều Tiên là thông minh nhưng lại quá đạo mạo. Tính tình ba sứ đều khác hẳn với Trang.

Nghe Trang kể những chuyện ứng đối tương tự như câu :

Trương nội vô phong, phạm tự lập

Hung trung bất vũ, thủy trường lưu

thì sứ Mông Cổ thích chí cười hô hố, sứ Miến-Điện suy nghĩ một lát rồi mỉm cười mỉm, còn sứ Triều Tiên vẫn trầm mặc ngồi yên một góc, chẳng nói chẳng rằng.

Ngay buổi chiều hôm sứ nước Nam tới vua Tàu có sai một viên

(1) Sứ Tàu mang theo sang một con trâu dực cực lớn, cực khỏe, cực dữ, thách là tìm kẻ chơi lại. Trang cho ugh một vòng tròn giữa bãi, hẹn hễ trâu nào chạy khỏi vòng đó là thua. Hồi Trang cho « xuất quân » một con nghé dái sữa mẹ. Chó nghé chạy ra rồi nhè hông con Trâu dực húc vào tim và khiến con này phải cố chạy ra khỏi vòng để tránh. Trang vỗ tay reo : « Trâu Tàu thua rồi ! »

quan trong viện Hàn Lâm đem đến công quán bốn chiếc bánh. Ông Hàn này đặt bánh trên bàn, chào bốn sứ rồi khoanh tay ngồi từ tại trong một góc phòng. Sứ Miến-Điện ngồi nguyên chỗ cũ tay lẫn tràng hạt; sứ Mông-Cổ nhìn bánh, nhìn ông Hàn Tàu rồi nhìn các sứ thần bèn như muốn hỏi xem: « Ý họ định gì? »; sứ Triều-Tiên điềm điềm cúi đầu suy nghĩ. Trạng ra ngồi bên bàn, hứng thỉnh bóc bánh ăn hết cái này sang cái khác, kỳ hết. Ông Hàn Tàu bèn tiến tới xóc bốn ngón tay ra trước mặt Trạng. Trạng xóc hai tay đưa ra làm ngón trước ông Hàn Tàu. Ông Hàn Tàu gặt đầu chỉ vào bụng. Trạng liền nắm tay đưa ra phía trước mặt.

Đến đây ông Hàn vãi chào bốn sứ rồi ra về.

Vua Tàu ngồi đợi ở điện Thái Hòa. Ông Hàn về tâu chuyện lên vua rằng:

— Muốn tâu họ họ, khi thần đặt bánh lên bàn sứ An-nam coi như cửa họ họ bèn nên soi hết. Hạ thần bèn đưa bốn ngón tay ra, ý nói: « Tứ di lai triều » (Bốn giống đến đến chầu), sứ An-nam đưa ngay tám ngón tay ra đối lại: « Bát mãn tấn cống » (Tám giống người đến cống). Hạ thần chỉ vào bụng, ý nói người nước ta đều là « Hung trung bình giáp » (Trong bụng chứa đầy binh giáp), sứ An-nam bèn nắm tay đưa ra đối lại rằng dân nước họ « Chương thượng kinh luân » (trên tay gồm hết kinh luân). Xét ra trong bốn xứ đến triều kiến quả thực chỉ có sứ An-nam là miễn lễ hơn cả.

Trong khi đó ở nhà công quán sứ Miến-Điện vẫn lẫn tràng hạt, sứ Triều-Tiên càng điềm điềm suy nghĩ, sứ Mông-Cổ chạy lại hỏi Trạng:

— Vừa rồi hai vị đối đáp gì với nhau vậy?

Trạng điềm nhiên trả lời:

— Có gì đâu ông Hàn Tàu thấy tôi ăn hết cả bốn cái bánh thì giơ tay ra hiệu: « Sao ông ăn cả bốn cái bánh như vậy? ». Tôi giờ tám ngón để đáp: « Đến tám cái tôi ăn cũng hết nữa là ». Ông Hàn chỉ vào bụng ý nói: « Ông ăn cả như vậy không sợ vỡ bụng sao? ». Tôi giờ nắm tay ra đáp: « Thử bánh nhỏ bằng nắm tay như vậy thì có gì mà vỡ bụng. » Ông ta thấy tôi nói có lý nên rút lui.

Tâu họ về Tàu đứng đấy—liếng là đề hậu, kỳ thực đề đo thám—bèn một báo về triều cho nhà vua hay. Vua Tàu lập tức triệu quan đại thần họ Lun tới hỏi ý kiến.

Vị này đáp:

— Muốn tâu: sứ An-nam chắc là thấy sứ Mông Cổ ngộc ngượcch nên mới giải thích đùa như vậy; hạ thần e rằng trong cuộc đối đáp bằng cử chỉ đó, sứ An-nam còn có ý nói nhiều điều nữa mà chúng ta chưa hiểu hết. Biết đâu đó không là một bài thơ liếp lời ta mà bèn về « tứ thời bát tiết »? Chẳng lẽ ta hỏi lại thì còn gì là thể thống?

∴

Thấm thoát Trạng ở Tráng-an vừa được một tháng. Chưa thấy vua Tàu chính thức vời bốn sứ vào để bàn về mọi nghị thức giao hảo.

Tuy mới một tháng qua mà Trọng đã thêm hai lần bị thử tài.

Lần thử nhất : Tự nhiên có một viên quan trong viện Hàn lâm đến nhà công quán tìm Trọng rồi hỏi vọng đờng một câu :

— Chúng tôi được nghe nói ngài vẽ giống vật khéo và nhanh lắm phải không ?

Biết là họ định thử mình đây, Trọng đáp liền :

— Dạ, khéo thì biết thế nào là cũng, nhưng nhanh thì nhất định tài tôi khó ai bì kịp.

Quan Hàn-lâm mỉm cười cáo biệt. Hôm sau trọng được vua Tàu vời vào điện Thái-Hòa, ở đấy đã có một họa sư lái ba nhái nước Tàu chờ Trọng để cùng thi vẽ nhanh. Hẳn quý vị độc giả còn nhớ kết quả : Trọng của chúng ta đã rúng cả mười ngón tay vào nghiền mực ngoằn thành mười con rùa trên tấm lụa bạch khi tiếng trống vừa rứt.

Khi Trọng trở về công quán, vua Tàu mới nói với quần thần :

— Điều hồ là mình không định trước phải vẽ con vật nào.

Quan đại thần họ Lưu — (xin nhắc lại : lúc là vị đại thần đã đi sứ nước Nam và đã từng chạm chán với Trọng) — lên tiếng :

— Muốn lâu, thì bao giờ họ chẳng nhằm đúng vào điểm hớ để mình không nói vào đâu được. Cứ như cách thức họ đem nghề ra chơi trên khi xưa thì mưu cơ của họ chẳng biết đâu mà lường được. (Quan đại thần họ Lưu có vẻ bị ám ảnh nhiều về việc chơi trầu).

Một vị lão thần khác nói :

— Muốn lâu thành thượng, thần đã có cách ra cho hẳn một đề thơ.

Quan đại thần họ Lưu vội nói :

— Ấy chớ, thì ca là sở trường của nước họ.

Vị lão thần gạt đi một cách cương quyết :

— Xin cứ yên tâm ! Xin cứ yên tâm ! Tôi đã có cách.

Ngày hôm sau, lại một quan Hàn lâm khác đến công quán đúng lúc Trọng và sứ Triều Tiên đang (ở lời họa thơ. Sứ Triều Tiên lộ vẻ thần phục Trọng lắm, không còn giữ thái độ lạnh lùng như xưa nữa.

Quan Hàn lên tiếng hỏi Trọng :

— Nghe nói, quan Trọng ngài giỏi vẽ thì văn lắm, có thật thế chăng ?

Trọng đáp :

— Chúng tôi chỉ gọi là biết làm thơ đúng niêm đúng luật một chút mà thôi.

Sứ Triều Tiên trách Trọng quá nhún nhún ! Lại đem cả những bài thơ vừa xướng họa ra đưa cho ông Hàn Tàu xem.

Ông Hàn nói :

— Sớm mai tôi xin đến đây rước hai ngài vào điện Thái Hòa để Hoàng-thượng cùng chúng tôi được dịp thưởng thức văn tài của các quý ngài.

Quả nhiên sớm hôm sau ông Hàn tới đón Trọng cùng sứ

Triều Tiên lời điện Thái Hòa yết kiến vua Tàu. Khi ai vậy đã an tọa, một tôn thị vệ ở trong chày ra đánh vào chiếc trống lớn, chỉ dùi lên rồi trời lừng lừng đi vào.

Trạng biết đó là cách ra lễ, nhưng vẫn chưa hiểu ý họ định nói gì. Liếc nhìn sứ Triều Tiên, Trạng thấy ông này có vẻ hiền, đương gật gù chau lú rồi viết câu đầu. Trạng chặc lưỡi ngoảnh vội lên tờ hoa tiên bốn dòng từ tuyệt rồi dâng lên vua Tàu. Lúc mang lên nộp Trạng có đi qua chỗ sứ Triều Tiên vỗ vai ông ta rồi chỉ vào bài thơ của mình cười, tỏ ý Trạng đã làm bài đó trong một lúc thi húng sung mãi vô cùng. Nộp xong Trạng trở về ti khuỷu tay lên bàn, đỡ lấy cầm, đôi mắt xa xôi... Hình như Trạng muốn tức cảnh nghĩ thêm một bài nữa.

Trong khi đó vua Tàu, mặt rồng hơn hỷ, mở tờ hoa tiên ra đọc. Nhà Vua hơi cau mày suy nghĩ rồi kín đáo vẫy mấy vị cận thần lại hỏi khế điều gì. Các vị cận thần cũng chau vào bài thơ, cũng như lộng mày, rồi cùng lắc đầu.

Vua Tàu đành cho vời Trạng lên — cũng một lúc với sứ Triều Tiên nộp bài — rồi nói :

— Chữ Khanh viết thảo, trẫm không sao đọc nổi.

Trạng kính cẩn tâu :

— Dạ ! Tâu Bệ Hạ, nếu vậy đề thần xin viết lại chữ phương.

3. Rồi Trạng viết.

Vua Tàu cùng quần thần so bài thơ thất ngôn bát cú của sứ Triều Tiên với bài từ tuyệt của Trạng, đều nhận rằng từ thơ vịnh « Trạng An đại cô » văn Thiên (2) của cả hai đều sắc sảo nhưng lời thơ của Trạng hay hơn nhiều.

Khi hai sứ thần đã dời khỏi điện Thái Hòa trở về công quán quan đại thần họ Lưu chợt vỗ đùi nói lớn :

— Chúng ta lại mắc mưu sứ An-nam rồi.

Nhà vua và các vị đại thần khác thấy đều ngạc nhiên như Lưu-công. Ông này nói :

— Muốn lâu Thành thượng, dù thông minh đến mấy cũng không thể nghe rít tiếng trống mà hiểu ngay đầu đề rồi lại làm xong ngay bài từ tuyệt. Cách viết thảo đó chẳng qua là hoãn binh chỉ kể để thui từ thơ của sứ An-nam.

Lúc đó quần thần mới ngẩn người tỉnh ngộ và vua Tàu khen mãi quan đại thần họ Lưu tinh ý.

Tới một sớm kia khi Trạng thức dậy thấy công quán có vẻ rộn rịp khác thường. Ra bao lơn nhìn xuống, quanh nhà công quán đều có lính ngự lâm mặc quần áo đỏ, nẹp xanh, vây kín.

(2) Tên thị vệ đánh vào cái trống lớn y nói đầu đề là : Trạng An đại cô thất ngôn bát cú (tên bài thơ vịnh của Trạng An), chỉ dùi lên trời y nói : thơ vịnh lấy văn Thiên.

Lát sau, viên hành thủ bộ Lễ tới đặt lên một phong thư trong đó đại ý nói : xin bốn xứ thần hãy chuẩn bị tiếp quan Đại thần bộ Lễ, có lẽ sắp tới. Linh thị vệ vẫn canh gác nghiêm chỉnh mà bốn sứ chờ mãi chẳng thấy quan Đại thần bộ Lễ tới. Trạng nghi rằng họ lại định giờ trò gi để thử thách mình đây.

Ngồi xếp bằng tròn ngay ngắn, mặt nhìn thẳng, giăng thực nghiêm chỉnh Trạng cất giọng sang sảng ngâm thơ. Giọng Trạng lúc bổng vút như ngọn tre, lúc trầm lắng như tiếng suối chảy, nhiều lúc giọng ngân dài ngậm ngùi kiêu hãnh. Các sứ lắng nghe và nhìn Trạng chơn chửa cảm tình. Sứ Miến Điện ngừng lần tràng hạt, bằng khuôn. Sứ Triều Tiên lắng nghe rồi cúi xuống suy nghĩ như muốn phân tích giọng ngâm để tìm hiểu ý nghĩa bài thơ và tâm trạng của Trạng. Sứ Mông Cổ cúi sát lại gần gần hỏi ý nghĩa bài thơ, Trạng chỉ cười.

Có gì đâu tiếng là bề ngoài đọc thơ trang trọng, kỳ thực phần nội-dung chỉ là bài thơ cũ của Trạng ở ẩn ở chùa cổ hàng hành, số là, hồi vừa thi rồi trạng nguyên, Trạng có ghé vào nghỉ chân ở một quán bánh vừng kế cận kinh đô. Cô hàng đơn đã mời chào, Trạng ngồi xuống ăn liền, vì đang khi đói bụng. Ăn xong đứng dậy cảm ơn rồi đi thẳng. Bị cô hàng niu áo lại đòi tiền, Trạng làm bộ ngạc nhiên :

— Chết chưa, tôi cứ yên chí là cô có lòng tốt mới nên mới dám ăn. Trong túi tôi hiện nay không có một đồng nào thì lấy gì mà trả cô bây giờ ? Thôi thì xin làm một bài thơ tạ ơn vậy.

Đoạn ứng khẩu đọc liền :

Hàng khi nắng cực (3) đói lòng thay,

Thiệt dài ơn có có bụng này.

Giờ biết lấy gì mà tạ lại,

Xin quý hai gói chớng hai tay.

Chính là bài thơ mà vừa rồi Trạng ngồi rất nghiêm chỉnh cao giọng ngâm vang công quán. Bị xứ Mông Cổ gần hỏi mãi Trạng nói hực :

— Bài này ông không thể thưởng thức nổi.

Sứ Mông Cổ ngạc nhiên hỏi :

— Vì sao vậy ?

Trạng đáp :

— Vì ngôn ngữ nước tôi có điểm đặc biệt là cách nói lái. Ngôn ngữ nước nào không có cách nói đó thì không sao thông cảm nổi cái hay của loại thơ ván trên.

Thấy sứ Mông Cổ có vẻ tức hận, Trạng vỗ vai an ủi :

— Thôi để kiếp sau tiên sinh xin với Ngọc Hoàng cho đầu thai sang nước Nam chúng tôi, tự khắc được dịp thưởng thức lo gì.

Lúc đó giăng mặt sứ Mông Cổ mới vui vui lên được một tí.

Mặt trời đã đứng bóng. Quan Đại thần bộ Lễ vẫn chưa thấy

(3) Nắng cực : tiếng nói lái.

tới, mà cơm nước cũng chẳng thấy gì. Bốn sứ đôi còn ruột.

Lát sau viên hành hầu bộ Lễ tới xin lỗi, nói có lẽ đến chiều quan Đại thần mới tới được.

Theo sau viên hành hầu là ba tên thị vệ, một tên cầm cái trống khêu, một tên cầm cuộn giấy — thứ giấy bồi dày — và tên thứ ba bưng mâm cơm.

Khi mở lồng bàn ra... chà! cơm muộn là phải, toàn những sơn hào hải vị xếp chặt mâm. Tên thị vệ mở cuộn giấy ra trước bốn sứ đề xin ý kiến. Trên tờ giấy trắng rộng đó có ghi bảy chữ nói mục rất đậm :

« Chỉ hắc mặc bạch, hữu thị phú » ? (1)

Đang giấy trắng mực đen đề hỏi điều ngược đời « giấy đen mực trắng » thì ai mà chịu !

Cả bốn sứ ~~đều~~ xong cùng lắc đầu. Viên hành hầu lặng lẽ đi khỏi. Lập tức tên thị vệ cuộn tờ giấy lại cũng lên cầm trống ra theo và tên thứ ba bưng mâm đi nối.

Trạng gật gù biết ý vua Tàu định thử gì rồi.

Kể ra thì cả bốn sứ cũng đôi meo, nhưng Trạng vốn ở đối nghèo nhện đói quen nên nằm khoèo ngâm thơ tràn, giọng vàng vẫn sang sảng. Toàn là những bài của Trạng làm, nào bài « Chơi phố Hồn », nào bài « Đề tượng Bà Bành », nào bài « Lỡm có hàng nước », v.v... Trạng không quên ngâm cả bài sô thủy giao thụ :

Này lời giao thụ gửi về quê

Nhấn nhủ bà bay chó ngựa ngựa...

Được cái ở nơi đất nước non người này vì ngôn ngữ bất đồng nên nằm kể cả những bài « nhảm » nhất, ở bên nhà chỉ dám đọc thầm, Trạng cũng lớn tiếng ngâm tràn cung mây. Cao hứng đến quên cả đói. Trạng tự nhận là ít khi ngâm thơ hay và được ngâm « hử » đến thế. Lũ lính canh, bỗng giật sang hai bên — lúc đó trời đã về chiều — viên hành hầu bộ Lễ tới xin lỗi rằng : Quan Đại thần còn bận việc triều chính nhưng thế nào ngày mai cũng sẽ tới, không biết lúc nào.

Theo sau viên hành hầu vẫn ba tên thị vệ, vẫn mỗi tên phụ trách một thứ như ban trưa.

Khi tên thị vệ mở cuộn giấy hỏi ý kiến Trạng « chỉ hắc, mặc bạch hữu thị phú » ? Trạng gật đầu đồng ý.

Viên hành hầu tỏ vẻ vui mừng mời Trạng ra ngồi bên mâm tiệc.

Sứ Móng Cò gật đầu theo sứ nước Nam và cũng được mời ra ngồi bên mâm tiệc.

Sứ Miến Điện từ tại lúc đầu, còn sứ Triều Tiên lắc đầu một cách công phẫn hơn. Cả hai cùng quay lưng về bàn tiệc tỏ vẻ khinh bỉ.

(1) Nghĩa là : « Giấy đen mực trắng, có thể chăng » ?

Khi Trạng cũng sử Mông Cổ bắt đầu cầm đũa thì tên thị vệ thứ hai vừa đánh trống khêu vừa nhảy quăng quánh phòng như muốn « hở huê » người ăn. Sử Mông Cổ gấp đũa, mặc kệ. Trạng thì vừa nhấm nháp vừa gọt gủ nghe trống có vẻ « thú » trò chơi đó lắm. Tên thị vệ, vừa nhẩy vừa gủ, trống được một lúc thì mệt, tự thấy chán nên thôi. Trạng cũng vừa ăn xong. Có mấy quả lê, quả đào dùng làm đồ nước, Trạng không ăn nhưng nhón cất vào túi.

Sử Mông Cổ sau khi cơm no tầu say lên giường ngủ liền. Trong khi sử Miến Điện ngồi lẫn tràng hạt, sử Triều Tiên tiến đến trách Trạng:

— Ông gọt đũa nhận là « giấy đen mực trắng » rồi ra ngồi hưởng tiệc như vậy, có phải là thái độ của đại nhân quân tử chăng ?

— Trạng đáp :

— Nếu tiên sinh hiểu đại nhân là người thấu suốt lý lẽ, quân tử là người lãnh nhiệm vụ đời đời, giáo huấn thế nhân thì tôi quả là đại nhân quân tử. Tôi sẽ dạy cho vua Tàu sáng lẽ « còn mắt, được không ».

— Tiên sinh gọt đũa nhận là giấy đen, mực trắng rồi ngồi dự tiệc mà là dạy vua Tàu sáng lẽ « còn mắt, được không » ?

— Chính thị !

— Xin tiên sinh chỉ giáo cho ngu này được rõ điều đó.

Trạng ăn cầm tay sử Triều Tiên mời ngồi xuống bên mình rồi hỏi :

— Tiên sinh hẳn biết truyện quân Nguyên trước đây ba lần bị thảm bại ở nước tôi ?

— Điều đó tôi có biết.

— Như vậy có phải người nước tôi « uy vũ bất năng khuất » chăng ?

— Đúng !

— Sau ba lần chiến công oanh liệt như vậy mà vua nước tôi, khi viết thư cho Nguyên-thế-Tổ, vẫn dùng lời lẽ cực kỳ nhún nhún.

Trạng rút ra một tờ hoa liễn, chấm bút vào nghiêng, thảo vội mấy dòng, đưa cho sử Triều Tiên rồi nói :

— Đây là mấy câu mở đầu tờ quốc thư đó.

Sử Triều Tiên cầm lấy, đưa mắt đọc và hơi nhưu lông mày. Nguyên mấy dòng đó Trạng nhớ được và lại ghi như sau :

« An-nam thổ tử vi thần Trần-nhật-Tuyên hoàng khùng bách bách, mọii tử phục tội, thương oán vu thượng thiên quyết mệnh, Hoàng đế hệ họ thánh chỉ... » (5)

Giọng Trạng hơi được buồn — đó là lần đầu tiên sử Triều Tiên nhận thấy thế — Trạng nói :

— Xin tiên sinh chú ý, đức vua nước tôi không xưng là « liêu thần » mà nhún xưng là « vi thần ».

(5) Dịch Nghĩa : Thổ tử nước An-nam, vi thần là Trần nhật Tuyên « ư hất, trước lấy xin cầu tội chết, dâng thư lên Hoàng đế hệ họ thánh chỉ... »

Sứ Triều Tiên lắc đầu :

— Tôi thực không hiểu.

— Số là tiên sinh không rõ hết những cảnh cực kỳ tàn ác của quân Nguyên mỗi lần kéo sang trả thù. Có những làng chúng vây kín rồi giết hết đàn ông từ đứa trẻ sơ sinh' đồ bỏn đến cụ già tám, chín mươi gần kề miệng lỗ. Ở nước tôi vua và trăm họ thương yêu nhau như cha con. Khi nguy biến vua, tôi và thần dân cùng nằm gai nếm mật chịu đồ máu mà giữ gìn xã tắc. Đến khi có thể hòa hoãn thì vua chịu nhả nhục để thần dân sớm được yên ổn làm ăn. Lễ kính quyền đó đã khiến mọi nước nhỏ như nước tôi đương đầu với một nước lớn gấp trăm lần là Trung Quốc mà vẫn không bị họa diệt vong. Lúc cần chết chúng tôi sẵn sàng liều chết nhưng không bao giờ chúng tôi chịu chết uổng.

Sứ Triều Tiên lộ vẻ bàng hoàng, nhưng vẫn chưa hiểu thái độ Trọng trong việc gài đầu nhận « giấy đen mực trắng », bèn uôm hỏi :

— Vậy lễ kính quyền ấy tiên sinh dùng để dạy vua Tàu suốt lễ « Còn mất, được không » ra sao ?

Trọng đáp :

— Hẳn tiên sinh thừa hiểu họ bày trò vừa rồi là muốn xam minh đối phó có ngang tàng không. Họ đâu có đợi ở mình thái độ « Bá-đi, Thúc Tề bất thực Chu lúc » (6) như vậy. Nước chúng tôi nghèo, thiên tai nhiều, hạn hán, lụt lội xảy ra luôn. Những năm mất mùa đói kém, có khi hàng tháng chúng tôi chỉ ăn cháo cám hơi mà đạo lý vẫn nghiêm minh. Sở dĩ lúc này tôi ngồi vào đây là để có ý sẽ đối phó như thế này... (Trọng ghé bên tai sứ Triều Tiên nói thầm).

Sứ Triều Tiên vùng đứng dậy chấp tay vái Trọng :

— Tôi đã quá thô thiển mà hiểu lầm tiên sinh, dám xin tiên sinh thứ lỗi cho.

Sứ Miến Điện ngừng hẳn tràng bại. Trọng liền lời dịu dàng nói :

— Bên nước chúng tôi cũng sùng đạo Phật như bên quý quốc. Hẳn tiên sinh nhớ truyện Thái-tử Tát-Đạt-Đa sau ba lần hỏi đạo bên bất đầu tu khổ hạnh ?

Sứ Miến Điện gật đầu.

Trọng hỏi tiếp :

— Hẳn tiên sinh nhớ chuyện : Vì Ngài hành xác thân quá đáng mà rồi chết ngất. Khi tỉnh dậy Ngài mới nhất định ăn uống như thường để giữ thân mà tìm đạo giải thoát ?

Sứ Miến Điện gật đầu.

Trọng hỏi tiếp :

— Hẳn tiên sinh nhớ chuyện : khi ấy có một thiếu nữ thấy Ngài nằm dưới gốc cây liền đem sữa đến dâng. Ngài dùng sữa xong, sức lực bình phục, rồi xuống sông tắm rửa sạch sẽ. Chính vì vậy Ngài giác ngộ thành đạo dưới gốc Bồ đề ?

(6) Bá-đi, Thúc-Tề phản đối nhà Chu dùng bạo lực diệt Trụ, không thêm dùng thóc nhà Chu, treo lên núi Thủ-Dương để rêu vi ăn, rồi cùng chết đói ở đó.

Sứ Miến Điện gọi đầu liễn mấy cái.

Trạng liếp :

— Tiên sinh thử nghĩ xem, để thân chết đói thì đạo Phật còn không ? Đức Phật có nói : *Tàz thức của người là ai mà cầu thức nổi* . Tiên sinh còn sống thì vua Tàu cấm sao được tiên sinh nghĩ trong lòng thức rằng : *« Giấy vẫn trắng, mực vẫn đen »* ? Hãy nói với tiên sinh quyết nhien đến chết đi nữa, lạy vua Tàu hân cần gì ? Sao tiên sinh không điếm nhien gọi đầu ngời vào mâm ăn rồi chúng ta sẽ làm như thế này... (Trạng ghé vào tai sứ Miến Điện nói thầm). Thế có phải vua Tàu phục chúng ta biết mấy !

Tới đây, sứ Miến Điện cũng vội vàng đứng dậy vái Trạng rồi nói :

— Chính tiên sinh đã soi sáng cho liễn đệ. Dám mong tiên sinh xá cho tội ngu muội ban chiều.

Trạng thò vào túi lấy ra hai quả lễ, hai quả đào dùng làm đồ nước ban này đưa biếu hai người và nói :

— Xin hai tiên sinh dùng tạm mấy thứ này cho đỡ đói lòng rồi chúng ta bắt tay vào việc.

Khi hai sứ ăn xong, Trạng truyền thị vệ đi lấy cho Trạng một tấm nhiễu bạch lớn, một bát đại tự và mực tàu.

Sáng hôm sau viên hành tầu bộ Lễ lại tới báo tin quan đại thần sẽ tới trong ngày. Văn ba lên thị vệ theo sau, mỗi tên phụ trách một thứ.

Khi lên thị vệ mở cuộn giấy với dòng chữ : *« Chỉ hắc, mặc bạch, hữu thị phù ? »* ra, luồn tự bốn sứ cùng gút đầu rồi cùng vui vẻ ra ngời bàn tiệc.

Viên hành tầu loan đưa mắt cho lên thị vệ đánh trống *« hô huê »* bốn sứ thì cũng vừa nhận thấy có một bức trướng lớn bằng nhiễu trắng treo trong cung. Ông ta liến vào mấy bước đọc rõ hai dòng lớn nét chữ vừa gân guốc, vừa sắc gọn, vừa bay bướm, chữ của Trạng :

Tàz thức mang mang.

Thùg nãg cầu thức. (?)

Viên hành tầu vái dài bốn sứ rồi rút lui. Tên thị vệ không dám đánh trống nữa.

Viên hành tầu đi thẳng về triều tâu rõ mọi việc.

Vua Tàu đưa mắt nhìn quan đại thần họ Lưu. Vị này khể củ đầu cung kính rồi lại nhìn Vua, ý nói :

— Thần đã đoán trước kết quả như vậy !

Nhà Vua suy nghĩ một chút rồi quay sang quan Lễ bộ Đại thần phán :

— Khanh khả đến nhà công quán thăm bốn sứ thần, cùng họ định nghĩ thức giao hảo, và bảo rằng ngày mai Trẫm thiết yến bốn sứ ở điện Thái Hòa trước khi để bốn sứ về nước.

Phán xong nhà Vua đưa mắt nhìn quan Đại thần họ Lưu lần nữa.

Vị này lại củ đầu cung kính rồi ngẩng nhìn Vua, ý muốn tâu lại :

— Thần vẫn nghĩ như vậy là thượng sách !

CHƠN SỐNG CÁC TÔN THẤT NHÀ LÝ

LÊ VĂN SIÊU

N HÃN phải khảo-sát kỹ tinh-thần người Việt thời Trần để viết sách lịch-sử văn-học thời ấy, chúng tôi đọc lại sử, thấy trong *Việt-nam sử-lược*, cụ Trần-trọng-Kim đã chép một đoạn như sau đây ở trang 120 :

« Lý-Huệ-Tông tuy đã xuất-gia đi ở chùa rồi, nhưng Thủ-Độ vẫn định bụng giết đi, cho khỏi sự lo về sau. Một hôm, Huệ-Tông ngồi nhờ cỏ ở sân chùa Châu-giáo, Thủ-Độ đi trông thấy, mới nói rằng : « nhờ cỏ thì phải nhờ cả rễ cái nó đi ! » Huệ-Tông nghe thế phải tay đứng dậy nói rằng : « Nhà ngươi nói ta hiểu rồi. ». Được mấy hôm, Thủ-Độ cho người đến mời Huệ-Tông. Huệ-Tông biết ý vào nhà sau thất cỏ tự-tận. Thủ-Độ đưa bách quan đến tế khóc xong rồi đem hỏa-táng chôn ở tháp Bảo-Quang. Còn Thái-Hậu là Trần-thị, giảng xuống làm Thiên-cực công-chúa để gả cho Trần-Thủ-Độ (Trần-Thủ-Độ và Thiên-cực công-chúa là hai chị em họ). Bao nhiêu những cung-nhân nhà Lý thì đưa gả cho những tù-trưởng các mừng.

Thủ-Độ đã hại Huệ-Tông rồi, lại muốn trừ nốt các Tôn-thất nhà Lý. Đến năm Nhâm-Thìn (1232) nhân làm lễ tế Tiên-Hậu nhà Lý ở thôn Thái-Đường, làng Hoa-Lâm (huyện Đông-ngạn tỉnh Bắc-Ninh). Thủ-Độ sai đào hầm, làm nhà lá ở trên, để đến khi các Tôn-thất nhà Lý vào đấy tế lễ thì sụp cả xuống hố, rồi đổ đất chôn sống cả. »

Cụ Trần đã dùng phương-pháp sử-học Tây-phương. Cụ đã căn-cứ vào tài-liệu có trên giấy trắng mực đen rồi mới viết. Có lẽ cụ đã căn-cứ vào sử và dã-sử đời Lê, nên mới có luận-diệu kết án Thủ-Độ một cách quá ngờ-nghech như vậy. Chúng tôi nghĩ rằng ngôi bút sử-gia chỉ quý ở chỗ không thiên-vị. Dù cho tài-liệu trước đã có chép rành-rành đi nữa, cũng cần phải xem-xét lại trước khi dùng, kẻo ngôi bút không thiên-vị bị lừa bởi tài-liệu mà thành ra thiên-vị. Thủ-Độ đã đánh là một nhà chính-trị tàn-nhẫn, nhiều mưu-mọc lừa-dối, và nhiều thủ-đoạn thật, nhưng nếu công-bình ra mà xét cái án lịch-sử này thì ta phải thấy sự việc không chắc đã đúng với lời sử đã chép.

Đầu tiên là thôn Thái-Đường, làng Hoa-Lâm, huyện Đông-Ngạn, tỉnh Bắc-Ninh, nơi tế lễ Tiên-Hậu nhà Lý, phải là nơi mà Tôn-thất nhà Lý ở rất đông, có khi chiếm hết cả làng, nhất là sau khi nhà Lý trị-vị tới hơn hai trăm năm. Thế thì Thủ-Độ cho người đến làng đào hầm lúc nào ? dựng nhà lá lúc nào ? mà đến nỗi dân làng không biết, kéo nhau vào tế lễ để sụp cả xuống hố ?

Thứ nữa là các Tôn-thất nhà Lý ấy, nếu chẳng cựa-quậy gì cả, và tất cả đều chịu ép một bề, sau khi xâ-tắc sang tay cho nhà Trần, thì Thủ-Độ vì ý thích giết người gì mà lập mưu giết hết các Tôn-thất ấy ?

Thứ nữa là Huệ-Tông, nếu chẳng bị Thủ-Độ bắt được chứng-cớ rõ-ràng một sự âm-mưu nào để tuyên-bố không thừa-nhận chánh-quyền họ Trần, khi Thủ-Độ nói một câu bâng-quơ là : nhờ cỏ thì nhờ cả rễ cái nó đi ! việc gì mà Huệ-Tông chột dạ đến nỗi chui vào nhà sau thất cỏ tự-tử ?

Thứ nữa là các cung-nhân nhà Lý nếu chẳng dợ gì vào sự liên-lạc, truyền-tin để tổ-chức âm-mưu đảo-chính thì việc gì mà Thủ-Độ phải đẩy đi xa bằng cách đưa gả cho những tù-trưởng các mừng ?

Và cuối cùng, Thái-Hậu nếu chẳng sắm một vai trò quan-trọng gì trong việc phản-gián ; thì cần gì Thủ-Độ phải dùng chính-sách giữ an-toàn tính-mệnh cho, bằng cách để trong nhà mình làm vợ và giảng làm Thiên-cực công-chúa ?

Dùng một con mắt thực công-bình, nhìn vào sự-kiện lịch-sử cũ, ta trực-giác thấy các sự việc, đã phải xảy ra vì sự chống-đối rất dữ-dội của Tôn-thất nhà Lý mà có lẽ Lý-Huệ-Tông đã thủ-mưu cùng với các cung-nhân nhà Lý.

Chính các Tôn-thất nhà Lý đã mưu đảo hãm ở thôn Thái-Đường để mời vua tôi nhà Trần tới tế-lễ cho sụt hãm mà chôn sống cả, nhưng bị Thủ-Độ dò biết mà dùng hãm ấy chôn các Tôn-thất nhà Lý. Đó có lẽ đã chỉ là một việc oan tương-báo vớ. Việc ấy, theo chúng tôi nghĩ, đã phải diễn ra như sau đây:

..

Tháng một năm Ất-dậu (1225) khi Thủ-Độ làm sẵn tờ chiếu nhường ngôi đưa Chiêu-Hoàng ký, thì Chiêu-Hoàng e-sợ không dám ký. E-sợ vì nỗi giang-sơn của tổ-tiên đã tám đời để lại cho mình, chỉ một nét bút của mình thì cả giang-sơn ấy sang tay cho họ khác.

Ấy là các cung-nữ hầu-cận, bàn lén với nhau rồi nói lại như thế, chớ thực ra Chiêu-Hoàng mới tám tuổi làm sao đã có thể hiểu được gì ! Họ xui Chiêu-Hoàng đưa tờ chiếu đến chùa Chân-giáo hỏi ý Thượng-Hoàng Huệ-Tông trước khi ký.

Huệ-Tông vẫn ý-kiến như bữa trước đã truyền cho Thủ-Độ và các quan là: đầu duyên trời run rủi cho Chiêu-Hoàng lựa được Trần-Cảnh để lấy làm chồng, nhưng mọi việc lớn của nhà nước vẫn phải do ngài quyết định. Ngài còn sống ngày nào thì còn ngôi nhà Lý ngày ấy. Bao giờ ngài chết thì Chiêu-Hoàng mới được tự-quyền ký bất cứ một tờ chiếu gì. Ngài bằng lòng cho tổ chức lễ cưới ngay để con cái được như dĩa có đôi, nhưng việc nhường ngôi thì phải thông-thả đã.

Thái-Hậu Trần-thị thì cho là ngài lắm cạm, chớ trước sau thì cũng một lần nhường ngôi ; Cho dầu Chiêu-Hoàng ngồi mãi trên ngôi đến lúc có con, thì con ấy sau này sẽ mang họ Trần của bố chớ đâu còn họ Lý của mẹ nữa.

Nhưng Thái-hậu không hiểu. Huệ-Tông đương có ý tìm trong hàng Tôn-thất một người có đủ tư cách để giữ-gìn ngôi báu cho họ Lý.

Ngài rất lấy làm buồn vẫn phải có điều suy nghĩ khi đã xuất gia, không thể mượn câu kinh tiếng mõ để khuấy khỏa được nỗi lòng. Ngài cố ý bảo Chiêu-Hoàng hoãn việc nhường ngôi là để chờ tin tức bên Đông-Ngạn (Bắc Ninh) xem chú tiểu Thanh đi liên-lạc về nói ra sao.

..

Thượng-Hoàng rót thêm dầu vào đĩa đèn nơi bàn thờ Phật. Ngài chấp tay : A đi đà phật ! rồi dờ quyền kinh Viên-giác ra ngồi tụng đi tụng lại. Quá giờ ti sang đến giờ sưa rồi, ngài vẫn chưa thấy chú tiểu về. Lưng ngài mỏi như rần. Ngài toan đứng lên đi về nhà hậu an - nghỉ thì chợt nghe tiếng chó sủa rồi im bặt. Ngài rót thêm dầu vào đèn rồi không khêu bắc, ngài lại ngồi tiếp-tục tụng thêm một lần kinh nữa.

Cánh cửa nơi hậu cung sẽ mở như một cơn gió nhẹ lọt vào. Chủ lễ cúi đầu dưới án thư, rón gót đi ra đến trước ngai thì chấp tay trên ngực. Ngai gãi đầu không nói, tiếp tục tụng kinh và tụng to hơn, nhanh hơn trước. Chủ đi về sau lưng ngai ngồi lễ và bạch se số :

— Hoàng-thần Long-Xưởng già yếu quá không thể đích thân về được. Ngai ưng-thuận việc lựa ông Hoàng Tâm (1) là con ngài. Ngai nói thêm nếu có sự gì thì cánh Hoàng-Tâm đi bắt liên lạc với Nguyễn-Nộn ở Phú-Đồng Bắc-giang rồi. Hiện còn đương sai người đi liên lạc với Đoàn-Thượng nữa. (2) Để cho được danh-chính ngón-thuận, xin Thượng-Hoàng ban chỉ sách-phong Hoàng-Tâm mọi cách rất kín-đáo rồi lễ-chức lễ rước về triều lên ngôi. Các Tôn-thất bên Đông-ngọn đều đã một lòng cả.

Ngai tụng kinh xong đứng dậy bái chủ lễ : con về trại phòng yên nghĩ cho đỡ mệt, rồi ngài cũng lui về hậu-cung.

..

Ngai tỉnh việc sách-phong phải làm ngay vào thượng tuần tháng chạp trước ngày cưới Chiêu-Hoàng để cho việc nhà việc nước được đầu đó ổn-thoan cả.

Sáng sớm, ngài ngự-giá về nội cung khi Thái-Hậu vừa thức giấc. Ngài vào ngồi trong phòng ngự-chế một lát rồi quay ra hân-huân với Thái-Hậu và Chiêu-Hoàng đến lúc mặt trời khỏi ngọn tre mới từ-giã về chùa. Thái-Hậu và Chiêu-Hoàng giữ ngài lại dùng cơm chay, nhưng ngài nói đạo này yếu mệt không muốn ăn. Rồi ngài về chùa.

Đêm ấy, ngài lại thức để tụng kinh.

Khoảng gần sáng, chủ lễ về bạch lại để giao chiếu tịn tay Hoàng-thần Long-Xưởng. Ngài mới yên tâm đi nghỉ.

..

Hôm sau Thái-Hậu tới chùa nói cho ngài biết tin bên Đông-ngọn có cướp. Cướp vào nhà Hoàng-thần Long-Xưởng lấy hết tiền bạc, đốt nhà và đâm chết Hoàng-thần. Ngài lu lười nói : mô phật, nhưng không dấu nỗi vẻ sợ hãi.

Một lát, khi Thái-Hậu ra về thì Thủ-Độ tới.

Thủ-Độ nói : «A-di-đà-phật» một tiếng thục lớn, rồi cười, khiến Thượng-Hoàng giật mình như nghe thấy tiếng sét. Ngài nói : kìa quan Tướng-quốc, ngài vào lúc nào sao chúng không thông báo ?

Ngài chỉ ghế mời Thủ-Độ ngồi.

Thủ-Độ vừa ngồi vừa nhìn thẳng mặt ngài hỏi : chẳng hay Thượng-Hoàng đã biết tin bọn cướp giết chết Hoàng-thần Long-Xưởng chưa ?

— Có, Thái-Hậu vừa mới cho tôi biết. Mô Phật ! Hoàng-thần đã

(1) Hoàng-Tâm, Trần-Thành, Lý-Đỗ trong truyện là tên những nhân vật do tác giả tưởng tượng. Người ra đời là đúng tên của nhân vật lịch sử.

(2) Việc liên lạc với Đoàn-Thượng Nguyễn-Nộn là những người làm loạn hết ấy cũng là tác giả phỏng đoán.

giả cả mà bọn cướp cũng không từ. Chẳng rõ các cháu có việc gì không ? Tương-quốc nên cho người vô điều-tra để tìm tung-tích bọn sát-nhân ấy.

— Việc điều-tra đang liền hành. Thủ-Độ vừa nói vừa rút trong túi ra một bao giấy vàng có dấu son đỏ chói. Tin tức đầu tiên mọi người nhận được là tờ chiếu sách-phong Hoàng-Lý Long-Tâm này. Không rõ sao bọn cướp lại có và đánh rơi để linh của tư-hải được mà đệ-trình về.

Huệ-Tông Thượng-Hoàng tái mặt, nhưng vẫn giữ được vẻ bình-thản. Ngài nói : sự có khi là chiếu giả.

Thủ-Độ nói : vâng, có lẽ thế, nên tôi đưa trình để Thượng-Hoàng xem. Thực ra Lý-Long-Tâm con của Hoàng-thần Long-Xưởng là tên đầu đảng/cướp trộm thường giao du với bọn Nguyễn-Nộn, quân triều đình cũng sắp bắt được rồi. Mà Thượng-Hoàng đâu biết nó là người thế nào để ban chiếu ? Chắc là chiếu giả vậy.

Nói rồi Thủ-Độ cười, đứng lên cáo-từ đi ra, nói là triều-đình bận nhiều việc hệ-trọng.

..

Chiều hôm ấy, Thủ-Độ cùng với mấy ông quan đại-thần lại đến chùa Chân-giáo.

Thủ-Độ nói : để tránh cho bọn người ngu-dại khởi dóm ngó ngói háu khi mà Chiêu-Hoàng chưa chính-thức về nhà chồng, xin Thượng-Hoàng quyết-định ngay ngày cưới và chấp-thuận ngay việc Chiêu-Hoàng nhường ngôi cho Trần-Cảnh. Vì nếu ngài để chậm ngày nào thì ngày ấy có những chiếu giả như thế này tung ra, dân chúng sẽ không biết thế nào mà tin nữa.

Thượng-Hoàng thử hỏi không nói. Thủ-Độ cương-quyết định mồng bảy tháng chạp năm ấy là ngày cưới và cũng sẽ là ngày Trần-Cảnh lên ngôi.

..

Kể từ ngày ấy và nhất là kể từ sau ngày Trần-Cảnh lên ngôi chùa Chân-giáo rộn-rịp gót chân người Tôn-thất nhà Lý, người trong nội cung, cũng như người lạ mặt từ bốn phương tới lễ bái. Cũng chùa cũng lại có thêm cả dãy án mấy ngôi xin bố-thí của người ta vào trong chùa nữa.

Thượng-Hoàng Huệ-Tông không nói một lời gì hết.

Người ta hỏi thăm ngài về việc này việc nọ, ngài chỉ : mô phật. Người ta tức bực nói lớn với nhau cho ngài nghe liếng : Còn Thượng-Hoàng bắt cứ chiếu gì của Chiêu-Hoàng cũng vô-giá-trị ! Ngài cũng chỉ : mô phật. Có người chờ đến đêm tối để xin yết ngài, nói chuyện cơ-mật ngài cũng lờ-chối không cho. Có người ngủ đêm ở chùa để nửa đêm khi ngài tụng kinh thì đến bực xin ngài chỉ-dụy phải làm sao, ngài cũng không nói gì hết.

Chó của nhà chùa bị đánh bả dần, hết con nọ chết đến con kia

chết. Chú tiểu Thanh nay lại có người nhà đến hỏi, mai lại có lần người nhà kịch-bệnh phải về thăm nom. Thượng-Hoàng Huệ-Tông không nhập thiền thì lại tụng kinh hay ra vườn nhổ cỏ, ngoài những câu chuyện chỉ bảo người làm trong chùa, ngài không nói một lời với ai hết.

..

Cho đến ngày Đoan-Thượng, Nguyễn-Nộn nêu nghênh Cầm-Vương phước Lý diệt Trần để mỗi người chỉ-cứ một phương, người ta cũng vẫn chỉ thấy Thượng-Hoàng Huệ-Tông làm có ba việc: nhập-thiền, tụng-kinh, ra vườn nhổ cỏ, ngoài ra không thấy ngài làm gì hết.

Trong chùa có đủ thức lúa rau đậu lương chao, nên ngài cũng không phải sai ai đi đâu để lo-liệu gì về việc ăn uống. Thỉnh-thoảng có những hoa quả của nhân-dân các nơi đem tiến thì Chiêu-Hoàng đã đích-thân đem tới hay cho cung-nữ đem tới dâng ngài. Khi nào ngài đau yếu cần thuốc-men thì đã có chủ hiệu Thanh vào cung tâu với Chiêu Hoàng hậu. Ngài ung-dung sống trong chùa như không có việc gì xảy ra cả.

Cho đến khi Đoan-Thượng và Nguyễn-Nộn mắc kế ly-gián của Thủ-Độ xoay ra đánh lẫn nhau, thì một tin như sét đánh bên tai bay ra là ông Hoàng-Long-Tâm bị bắt. Cũng từ đấy hiệu Thanh không thấy trở về chùa mà cũng không ai biết chủ ở đâu.

Thượng-Hoàng thử hỏi, chiêu thám nhìn ngọn cỏ. Thủ-Độ tới đứng sau lưng ngài mà ngài không biết.

Thủ-Độ hơn-hở báo cho ngài biết tin đã dẹp xong giặc Đoan-Thượng và Nguyễn-Nộn, mai một sẽ làm lễ ăn mừng, đồng thời đưa bọn tướng giặc bị bắt ra trình cho mọi người biết mặt, trước khi đem xử-tử.

Ngài khen-ngợi Thủ-Độ khéo hành-quản, đó cũng là phúc lớn của nhà nước. Thủ-Độ nói: Hoàng-Long-Tâm cùng với chủ hiệu Thanh bị bắt đã cung-khai ra nhiều điều hay lắm.

Thượng-Hoàng run tay nhổ cây cỏ chỉ đứt những lá ở trên. Thủ-Độ vuốt râu mép, cười, nói ngài phải nhổ cả rễ cái của nó thì nó mới hết mọc. Nói rồi Thủ-Độ cáo-từ ngài mà ra về, lại nói thêm hôm nào xử án bọn tướng giặc thì mời Thượng-Hoàng tới làm chánh án.

..

Đã hai hôm rồi, Thượng-Hoàng không ăn được một hột cơm nào cả. Ngài nóng bừng-hực cả người. Trời đông lạnh thế mà mồ hôi ngài vã ra như tắm. Các quan Thái-y đã được cử đến xem mạch và bốc thuốc cho người. Thái-Hậu và các cung-nữ mấy hôm nay luôn-luôn bên giường ngài. Hoàng-Thượng và Hoàng-Hậu trưa chiều nào cũng tới chùa đồ vãn-an. Các quan trong triều cũng vậy.

Ngài cầm tay Hoàng-Thượng và Hoàng-Hậu nghiêng-ngào không nói ra lời: các con còn thơ dại,... tình vợ chồng,... ta và Thái-hậu xưa...

Hoàng-thái-Hậu định đánh thuốc độc cho chết... ta ăn trước... nếu chết thì chết cả đôi. Thôi, số trời !

Khi Hoàng-Thượng và Hoàng-Hậu lui ra sân ngoài, ngài nhìn theo mỉm cười. Thái-hậu bước tới. Ngài bảo : tốt đôi ! mong cho sớm có hoàng-nam. Rồi ngài ngủ thiếp đi.

Khi ngài tỉnh dậy thì bệnh đã có mồi thuyên-giảm. Ngài đã có thể ngồi dậy được, và có thể đi lại được. Hôm sau ngài đã lên chùa tụng kinh.

Thái-hậu cùng các cung-nữ đã về cung cũ. Chưa lại vắng-vẽ quanh-hu. Ngài đi ra đi vào rồi lại lên chùa đỡ kinh ra tụng.

Thủ-Độ cho người đưa công văn tới mời ngài ra xử án lương giặc bị bắt. Ngài truyền người ấy về trước, ngài thay áo sẽ tới sau.

Nhưng không bao giờ ngài tới cả. Ngài đã treo cô tự-tử ở nhà sau. Năm ấy là năm Mậu-tí, (1228).

..

Thủ-Độ vật-vờ khỏe than rất nên thăm-thiết. Các Tôn-thất nhà Lý can xin quan Thái-sư Thống-quốc ngài bớt buồn phiền để còn lo việc nước. Lễ táng cũng tỉnh-glảm bớt không làm gì trọng-thể quá. Thủ-Độ muốn làm lễ quốc-táng và đưa ngài về chôn ở Đông-ngạn, nhưng các quan và các Tôn-thất can đi, xin đem đi hỏa-táng và chôn ở thóp Bảo-quang là đủ, nhất là lúc này, giặc mới tạm yên, dư-đảng còn chưa bắt được hết.

Bất-đắc-đi Thủ-Độ phải chiều theo ý các quan vậy. Nhưng Thủ-Độ vẫn có ý buồn-bã ủ-ê lắm. Thấy Thủ-Độ thương-sốt Thượng-Hoàng đến như thế, người ta cho rằng vì già cả mà bệnh liệt mãi không khỏi, nên Thượng-Hoàng chán đời mà tự-vận. Có người cho chỉ tại lũ cung-nhân đưa chuyện đi chuyện lại, nói Thái-hậu bàn quốc-sự với quan Thái-sư đến đêm khuya, hay Thái-hậu luôn-luôn ban yến cho quan Thái-sư,... khiến Thượng-Hoàng ngài giận quá mới ra nóng-nổi. Cũng có kẻ hiền-quan si-sảo nói Thượng-Hoàng có bí-mật ban chiếu không biết-nhận chính-quyền họ Trần là hợp-pháp, và nếu Thanh bị tra-khảo đã cung-khai ra là ngài có dính-dáng tới việc Nguyễn-Nộn. Kẻ hiền-quan ấy bị bắt và lập tức bị chém đầu để răn chúng. Vì vậy không ai dám nói gì thêm nữa. Các cung-nhân bị thất-hối về hết, và bắt gả cho tù-tướng các vương để cho chứa cái tội bép-xếp. Một lớp cung-nhân mới, được Thái-Hậu tuyển-lựa vào cung hầu-hạ Hoàng-hậu.

..

Riêng ở Đông-ngạn khi dự lễ táng Thượng-Hoàng về, thì người ta sồn-sao lắm. Người ta nói Thái-hậu đã về ở hẳn nhà quan Thái-sư để bàn quốc-sự cho tiện. Người ta nói tiểu Thanh đã cắn lưỡi tự-tử trong ngục. Người ta nói ông Hoàng Long-Tâm đã bị tra-khảo đến chết.

Người ta nói trước mặt Thái-hậu, quan Thái-sư có tât Hoàng-hậu một cái tât. Ở nhà thờ các Tiên-Hậu họ Lý, người ta đèn hương suốt ngày đêm. Và xen lẫn với lời khấn ri-râm, người ta nghe thấy tiếng khóc thút-thít, tiếng thở dài nã-nuột. Nhiều người trai làng đã đổi họ đổi tên để sang sống ở những làng bên. Nhiều vị quan-lại xin về hưu đảm ra ngó-ngần xé quần xé áo rồi nói nhảm-nhí suốt ngày. Con gái họ Lý nhiều cô mới có nơi đám hỏi cũng thấy cho đi dục cười.

Lâu-lâu cũng có những người thợ đóng cối lạ mặt đến làng hỏi các nhà để đóng cối, nhưng cối nhà nào cũng còn tốt cả. Thỉnh-thoảng cũng có một vài anh ăn mày quần áo rách rưới đi vào các ngõ để xin ăn, người ta nói với nhau như đề các anh nghe thấy là cần-thận rào đậu, bây giờ đói kém, trộm cắp như rươi ấy đấy !

Nhiều bà nhiều cô đi chợ mua bán cũng giữ mồm giữ miệng không vui chuyện nói-năng gì với ai hết, chỉ vội-vàng mua bán xong là về. Những người thợ cấy thợ gặt, làng cũng mượn ít đi ! chỉ những người nào đã làm quen từ trước mới mượn, còn thì trong làng làm giúp lẫn nhau : chẳng là tại làng bây giờ cũng nghèo mà !

..

Đến chiều tối thì không một người lạ mặt nào được vào trong làng cả. Các bà và các cô ở nhà xay thóc giã gạo hay khâu-vá thêu-thùa. Các ông và các cụ đến nhà thờ lễ-bái cùng nói chuyện.

Kể ra cũng chẳng có chuyện gì. Ngoại trừ chuyện loạn luân của họ Trần ở Tức-Mặc, chuyện Hoàng-Thái-Hậu (vợ vua Cao-Tông) ngài tỉnh mất lắm, chuyện Trần-Lý bị quân cướp giết chết, không được toàn thân mà chôn, chuyện họ Trần nhờ thầy địa-lý để đất rồi lại lừa thầy địa-lý, chuyện trong chùa Chân-giáo làm gì mà có giấy thừng, chuyện nhờ cô thi nhờ cả rể của Trần-Thủ-Độ... Và cuối cùng khi kết-cấu mọi câu chuyện lúc đêm đã khuya, bao giờ người ta cũng lại trở về với câu chuyện nhờ cái rể cô Trần-Thủ-Độ.

Người ta bàn đi bàn lại với nhau rất nhiều.

Đến năm Kiến-trung thứ bảy (1231) người ta lại nghe thấy trong triều sức cho dân làng phải vẽ tượng Phật ở các nơi công-quán và các nơi hội-hợp đông người. Hỏi để làm gì ?— Để vua Trần tỏ lòng biết ơn đối với một nhà sư khi gặp ngài trong một đám rước thần đã nói : ngài sau sẽ làm vua (1). Dân làng được quan trên sức về cho như vậy thì cười như nắc-nẻ.

Cố-nhiên làng cũng phải vẽ tượng Phật và cũng phải treo ở đình là nơi chẳng ai tới cả còn ở nhà thờ, người ta tới đông hàng ngày hàng đêm thì lại chỉ đề nói về vẽ tượng Phật ấy.

(1) Việt-Nam Phật giáo lược sử của Thượng Tọa Mật Thể 157

Đại nam quốc sử diễn ca của Lê-Ngô-Cát và Phạm-dình-Toái (tựa và dẫn của Hoàng-Xuân-Hân nhà xuất bản Sông Nhị) trang 133 cũng có ghi chép :

Đệ đoàn mẹ hoặc khôn chưa

Chùa Tô Phật tượng đình thờ Thích Ca,

<https://tieulun.hopto.org>

Rồi người ta bảo nhau sao Triều Trần ăn ở biết có ân có nghĩa đối với một lời tiên-tri của một nhà sư như vậy mà đối với họ Lý đã sang tay cả một giang-sơn cho, một cách rất thiết-thực, thì lại không thấy ăn ở cho có trước có sau gì hết? Mấy năm nay từ ngày Thượng-Hoàng qua đời, không hề thấy vua quan nhà Trần nghĩ đến chuyện tế lễ các Tiên-Hậu nhà Lý.

Thật là vô-lý!

Rồi chợt một ánh sáng nảy ra trong đầu mọi người.

Người ta cử người ăn nói giao-hoạt về triều, đề nói với Trần thái-sư. Người ta sửa-soạn sân nhà thờ nơi tế-lễ; người ta mua lá về dựng hành-dinh cho vua quan; người ta sắm-sửa các lễ-vật.

Người ta đã nhất-định lấy ngày giỗ Thượng-Hoàng năm ấy là năm nhâm-thìn (1232) để lễ tế các Tiên-Hậu.

Khi được tin vua và các quan trong triều đã ưng-thuận về Đông Ngạn làm quốc-lễ, thì người ta sửa-soạn càng rộn-rịp hơn.

Bao nhiêu cờ quạt của các làng xung-quanh được mượn hết để đem ra cắm trên hai bên đường quan-lộ từ Kinh-kỳ tới Kinh-bắc. Mỗi làng mà đoàn ngự-giá sẽ đi qua, lại có đặt hương-ân cùng chiêng trống và hương nến, với các bộ-lão mặc áo thụng xanh để làm lễ bái-vọng.

Trên các nẻo đường ở những hàng quán, người ta bàn-làm với nhau không ngớt lời ca-tụng nhà Trần ăn ở thật là có trước có sau.

..

Hôm chính lễ, Thái-sư Thủ-Độ về trước. Mặt trời vừa mọc, cổng làng còn đóng, đã thấy cánh cửa Thái-sư về tới rồi. Các quan địa-phương tuy đã được giấy sức từ trước mà cũng chưa tới kịp. Các bộ-lão trong làng vội-vã khăn áo ra tiếp đón quan Thái-sư về đình. Một lát, chưa nhai dập bã trầu, thì các quan địa-phương cũng vừa vắn tới.

Quan Thái-sư ngỏ lời khen-ngợi các cụ và dân làng đã công-phu sửa-soạn lễ tế thật là long trọng. Rồi ngài nói chừng giờ mao thì đoàn ngự-giá sẽ về tới và giờ thìn bắt đầu hành lễ. Giờ thìn năm thìn là giờ đại-cát.

Các cụ sai pha trà mời quan Thái-sư dùng vì còn thông-thả mời tới giờ. Quan Thái-sư xuá tay gạt đi nói phải đi xem xét các nơi để sửa soạn cho kịp khi ngài ngự tới. Rồi quan Thái-sư đứng dậy, các quan địa phương cũng đứng theo.

Ngài ra khỏi đình và bước thoăn-thoắt về phía nhà thờ. Các cụ vừa chống gậy vừa chạy theo mới kịp.

Ngài chỉ cho các quan phải cho lính tới đứng sát nách nhau dàn hầu hai bên, từ cổng làng tới cửa đồn, không cho một người nào đi qua.

Ngài chỉ cho quan phủ sở-tại lát nữa khi lính ngự-lâm tới phải trông cho họ đứng bọc chung-quanh nhà thờ, gươm giáo tuốt trần và rất nghiêm-chỉnh.

Ngài chỉ cho mở riêng một lối để người làng đi vào đền, bao nhiêu áo tể phải mặc ở ngoài mà vào, không cho để một chút gì trong đền và ai có áo tể, có phận sự mới được vào.

Ngài chỉ cho dân nhạc phải về ngồi trong hành-dinh phía tây, ngài của Hoàng-thượng và hoàng-hậu cùng ghế của các quan phải khiêng ngay về hành-dinh phía đông.

Các cụ nói : bầm, làng sợ buổi sáng nắng chiếu vào hành-dinh, nên sắp đặt để ngài ngự bên hành-dinh phía tây.

Quan Thái-sur trả lời : nắng mùa đông càng ấm. Vả lại Hoàng-thượng phải ngồi cho chính hướng.

Rồi ngài ra lệnh phải làm ngay lập tức. Lúc các người làng chần-chừ chưa muốn khiêng ghế qua, thì ngài gắt lên : mau, kéo không kịp giờ ngài ngự tới.

Sau khi đã loan báo đi cho dân làng biết phải đi vào lối nào, ăn mặc ra sao, quan Thái-sur gọi một cụ tới và dụ : nhân ngày quốc-lễ, Hoàng-thượng muốn được biết mặt bà con trong họ hàng, vậy yêu-cầu cụ cho một người thành-thạo đứng hầu bên hành-dinh phía đông, để phòng ngài có gì hỏi tới. Cụ dạ và cụ nhận chính cụ sẽ xin làm việc ấy. Cụ trình tên cụ là Lý-Đỗ đồng ngài Nhân-tông Càn-Đức.

Quan Thái-sur lại hỏi về chương-trình buổi lễ.

Các cụ trả lời theo như các cụ đã tính kỹ thì khi ngài ngự tới, dân làng sẽ dâng trà sen, các hàng Tôn-thất sẽ tới yết ngài rồi sau tuần trà chiêm trống sẽ nổi lên, ngài sẽ ngự ra chủ-tế cùng với các đại-quan trong triều. Khi lễ tất thì dân làng sẽ dâng tiệc.

Quan Thái-sur suy nghĩ một lát, rồi dụ :

— Không được ! Như vậy là chưa được trọng thể. Phải đổi chương-trình lại. Khi ngài ngự vừa tới cổng làng thì nhạc phải trời lên. Một cụ trong làng phải cùng với bản-chức ra nghênh đón và đưa ngài về nhà thờ. Khi tới nhà thờ an-toạ rồi các cụ trong hàng Tôn-thất phải mũ áo chỉnh-tề vào tể các Tiên-Hậu một tuần, sau quay cả sang hướng đông bái-mạng thiên-tử. Chừng ngài ban bãi-triều bấy giờ các cụ lui về hành-dinh phía tây thì ngài mới ra làm lễ tể.

Các cụ bối-rối. Người nọ si-sào với người kia : quan Thái-sur ngài đổi cả chương-trình ! Có người nói to : đổi cả chương-trình thì còn ai là chủ ai là khách nữa ?

Quan Thái-sur thoáng nghe thấy, cau mặt hỏi cụ Lý-Đỗ : đưa nào nói như vậy ? thằng ấy là thằng nào ?

Các quan sở-tại tái mặt, chạy đến bên anh ta, lời anh ta ra sân đền và bảo anh không có chức-vị gì, không được phép nói leo vào câu chuyện của người lớn. Còn cụ Lý-Đỗ thì xin lỗi quan Thái-sur mãi ngài mới nguôi giận.

Đến giờ mào, khi đoàn ngựa voi, và kiệu dừng trước cổng làng, Hoàng-thượng, Hoàng-hậu và các quan bước vào cổng làng thì nhạc trỗi vang lên. Các quan văn-võ đi hai bên. Hoàng-thượng đi giữa, Hoàng-hậu đi sau. Sau cùng đến Thiễn-cục công chúa cùng cụ bà Thái-Thượng-hoàng Trần-Lý.

Cụ Lý-Đỗ cùng quan Thái-sư hướng-dẫn đoàn ngài-ngự vào an-tọa nơi hành-dinh. Khi mãn một tuần trà, quan Thái-sư ra hiệu cho tấu nhạc và truyền cho cụ Lý-Đỗ gọi các Tôn-thất nhà Lý sẵn-sàng đề vào tế theo chương-trình đã định.

Khi đương tế, quan Thái-sư gọi cụ Lý-Đỗ tới hỏi sao lại có cái cục tre ở trước chỗ Hoàng-thượng ngồi như vậy? Cụ Lý-Đỗ tái mặt, lúng túng trả lời đó là bọn thợ làm nhà dư cục tre ấy thì đóng xuống đất, không can gì.

Quan Thái-sư nói: không được, không can gì là thế nào, trước mặt ngài ngự, không được phép đề cái gì kỳ-cục như vậy. Ngài quay ra, ra lệnh cho mấy người lính cận-vệ: nhỡ cục đi.

Hai người lính nhẩy đến.

Cụ Lý-Đỗ cũng quăng cả gậy nhẩy đến ngăn lại. Khi không kịp, cục đã nhỡ lên khỏi mặt đất rồi, cụ kêu như thét lên: sao lại nhỡ cục ra!

Cụ vừa kêu xong, thì ồm một tiếng, tất cả khoảng sân đền mà các Tôn-thất nhà Lý đương tế-lễ, đổ ụp xuống, bụi cát bay mù mịt, tiếng kêu khóc như ri.

Trong hành-dinh vua và các quan sợ hãi mặt cắt không còn giọt máu.

Thủ-Độ nắm gáy cụ Lý-Đỗ đẩy luôn xuống hố, vừa đẩy vừa nói: à, ra tụi bay mưu hại thiên-tử và các quan!

Lính! lấp đất! Và đi tìm trong làng còn kẻ nào cho xuống hố nốt!

Vua và Hoàng-hậu cùng các quan chưa tìm được lời gì để xin tha cho, thì đất đã lấp đầy hố.

MẤY LỜI CUỐI CÙNG

Đối với nghi-án lịch-sử này, chúng tôi đã không muốn bị bó-thắt tinh-thần trong những định-lệ khe-khắt của phương-pháp sử-học, mà đã nhẩy thoát ra ngoài vòng khe-khắt (hay câu-chấp theo sử-liệu) ấy, để phạm-vi suy-luận của chúng tôi được rộng-rãi hơn trong khi tư-tưởng lại lịch-sử. Cho nên đã có truyện dã-sử trên đây.

Truyện dã-sử đúng hay lịch-sử đúng? Chúng tôi xin để tùy độc-giả phê-phán.

QUÁ TRÌNH TIẾN TRIỂN CỦA NGÀNH ÂM NHẠC THIẾU NHI

LÊ CAO PHAN

TRONG khoảng chừng 5, 6 năm gần đây, âm nhạc thiếu nhi được lưu tâm nhiều hơn trước. Âm nhạc thiếu-nhi được đặt thành vấn-đề, một chứng cớ là trong chương trình các bậc Tiểu học cũng như Trung học, môn âm nhạc đã bắt đầu có chút địa vị. Trên làn sóng điều đã có những buổi phát thanh dành riêng cho các ca sĩ tí hon. Những buổi thi tuyển lựa tài tử do các đài phát thanh tổ chức thường được nhiều đài từ tí hon hưởng ứng dự thi. Trong nhân dân, các đoàn thể thanh niên cũng như các tổ chức xã hội đã nhiều lần đưa các em lên sân khấu để trình diễn ca nhạc. Các sách giáo khoa về âm nhạc, những tập nhạc tuyển và bài ca thiếu nhi đã xuất hiện nhiều nơi. Ngoài ra các báo chí xuất bản trong nước, mỗi khi nói đến âm nhạc nước nhà, chẳng mấy ai quên nhắc đến ngành nhạc thiếu nhi, trực tiếp hoặc gián tiếp nêu rõ vai trò quan trọng của môn ca nhạc trong việc giáo dục trẻ nhỏ.

Nay chúng ta thử ôn lại quá trình tiến triển của ngành âm nhạc thiếu nhi, tìm hiểu những lý do phức tạp làm cho ngành nhạc này chậm tiến sánh với các ngành nhạc khác.

Theo nhạc sĩ Lê-Thương trong bài « Âm nhạc cho trẻ nhỏ » đăng ở báo « Nguồn Sống » xuất bản tại Sài-gòn năm 1949, thì số nhạc phẩm dành riêng cho trẻ em không quá 15 số nhạc phẩm xuất bản ở nước ta. Và đến bây giờ cũng vậy, tỷ số ấy vẫn cầm chừng, có khi còn sụt nữa là khác. Lý do của sự cầm chừng ấy tôi sẽ nói sau.

Ôn lại quá trình tiến triển của ngành âm nhạc thiếu nhi, ta nhận thấy từ lúc phối thai, nội dung về lời ca thường vẫn tả cảnh, tả tình, kể chuyện, kể lịch sử, vui đùa hát hờ, mượn ý dao ca như hiện nay. Nhưng nội dung về âm nhạc thì trong giai đoạn ấy thường chỉ dùng những điệu cổ ngoại quốc, nhất là Pháp.

Từ năm 1938 trở về trước, những bậc đàn anh như Phạm-vân-Xung (xuất-bản tập Đời Vui Sống) Lưu-ngọc-Văn (Tiếng Chim-Ca) Đào-văn-Thiết (Tiếng Chim-Ca) đều là những nhà đặt lời ca vào điệu cổ ngoại quốc nên bài ca ít được gọi cảm, cho đến lời ca được gò ép để đi đôi với nhạc về hình thức (hát không trại họ) cũng như về tinh thần (lời ca diễn được ý nhạc). Dù sao công trạng của những người đi tiên phong cũng rất cần được ghi nhớ.

Về phía nhạc cổ, ta phải nhắc đến hai ông Nguyễn-Trung-Phân và Nguyễn-trung-Nghệ, hai bậc đàn anh đã hợp tác xuất bản cuốn « Sách dạy hát tiếng Nam » (1925), ghi bằng lối ký âm chữ Hán, và đã dành riêng một số điệu cổ Trung-Hoa đặt lời ca Việt-Ngữ cho Thanh-Thiếu-Niên hát.

Phong trào Hường-đạo (đã khai sinh từ trước) phát triển mạnh và dẫn được âm nhạc thiếu nhi theo đà tiến triển ấy.

Cầm đầu phong trào sáng tác thời bấy giờ là nhạc sĩ Hoàng-Quý (tên thật là Võng) hợp tác với Lưu-Hữu-Phước, Văn-Cao, Đào-Hợp, Lê-xuân-Ái, Lê-Hữu-Mục v. v. ...

Các báo «Thăng Tiến», «Thanh-Nghệ» và sách «Hoa-Xuân» đã chú ý đến các em và thỉnh thoảng đã dành riêng vài ba trang nhỏ cho nhạc thiếu nhi.

Trong khi, vì nhu cầu khẩn thiết, các nhạc sĩ kiêm huynh trưởng các đoàn thể thanh thiếu nhi gia công sáng tác nhạc trẻ em thì ở học đường vẫn đề dạy hát cho học sinh thời ấy cũng được chính phủ tỏ ra lưu tâm chút đỉnh: một chứng cớ là các giáo viên có tinh thần thanh niên được tự do dạy cho học sinh những bài ca bằng tiếng Pháp và tiếng Việt. Ngoài ra, như ở Huế chẳng hạn, ông Nguyễn-trung-Phân được cử dạy hát tại trường Nữ-Học Đồng-Khánh và các trường Tiểu-Học.

Phong trào nhạc mới cho thiếu nhi vẫn cầm chừng mãi cho đến năm 1915, sau cuộc cách mạng tháng tám. Bảo rằng từ đấy phong trào sáng tác âm nhạc thiếu nhi lên mạnh thì không đúng hẳn, mà nói rằng thiếu nhi được tham gia ca nhạc nhiều hơn trước thì xác thực hơn.

Thật vậy, hồi đó âm nhạc, bộ môn văn-nghệ lượng đối có thặng thể truyền cảm hơn các bộ môn khác, đã được đưa ra làm lợi khí giáo dục quần chúng. Quần chúng hợp thành nhiều giới tùy theo tuổi tác và nghề nghiệp, trong đó lẽ tất nhiên trẻ em đứng vào giới « thiếu nhi », một đoàn thể được diển khiển theo phương pháp « giáo dục mới ». Môn ca nhạc được giữ địa vị ưu thế. Khắp nơi, từ thành thị đến thôn quê, đi đâu cũng nghe la hét rộn rã tiếng ca trong trời của trẻ em. Trẻ em được ca hát mùa may nhiều nhưng rất tiếc là trẻ em vẫn phải lãnh môn ăn chung của quần chúng (nhạc tuyên truyền có tinh cách phục vụ cho nhu cầu của giai cấp); còn những bài ca, vũ dành riêng cho chúng chỉ chiếm một tỷ số quá kém. Trong các cuộc thi sáng tác âm nhạc hồi đó, người ta đã đặt một số giải thưởng dành riêng cho nhạc thiếu nhi, song số nhạc sĩ hưởng ứng dự thi ngành nhạc này rất ít ỏi.

Gần đây, sự tiến triển của ngành âm nhạc thiếu nhi xem ra có vẻ khả quan hơn. Số người lưu tâm đến ngành nhạc này tương đối được nhiều hơn trước.

Trước ngày chia đôi đất nước, ở Bắc-Việt, nhạc sĩ Hùng-Lân với nhạc đoàn Lê-hảo-Tĩnh gồm có Tam-Bảo, Phương-Linh, Nguyễn-khắc-Xuyến, Hoài-Dức đã cho xuất bản những tập « Hát mà học », « Hát mà

hời (1949), «Đời Trại» (1950), «Đời Học Sinh» (1951), «Lời Chim Xanh» (1952) được phổ cập rất rộng rãi trong và ngoài các trường học khắp toàn quốc. Nhạc đoàn «Sao Mai» cũng đã cho ra tập «Đời Vui» (1950) gồm những bài dành cho Thiếu nhi. Từ «Việt Nhạc» (1948, lĩnh vực âm sinh của tờ «Khuyến Nhạc») xuất bản tại Hà-nội, trong giai đoạn ngắn ngủi nó được sống lại, đã không quên lãng các em thiếu nhi là nhiều bài ca gọn gầy, duyên dáng như «Tâm Năng Hồng», «Giáng Xuân» của Dương-Thiếu-Tước, «Ánh Trăng Thu» của Tô-Ngọc, «Thời Thơ Ấu» của Thâm-Đánh, «Mau Tập Học Đàn Ca» của Kim-Thanh...

Theo lời của một vài văn nghệ sĩ di cư trước ngày ngưng bắn thì ở khu Việt-Minh kiểm soát một trường dạy nhạc lý và xử dụng nhạc khí cho thiếu nhi được lập nên, do Lưu-Hữu-Phước (tác giả bài «Thiếu Nhi Hành khúc» và tập đoản ca kịch «Con Thổ Ngọc») điều khiển. Nhưng trường này chỉ hoạt động từ cuối năm 1948 đến cuối năm 1950.

Tại Nam-Việt người hàng lưu tâm đến ngành nhạc thiếu nhi là nhạc sĩ Lê-Thương, tác giả của 2 bản nhạc «Thăng Cuội» và «Tuổi Thơ» rất được phổ thông trong giới mến nhạc trẻ hơn, và là người nâng đỡ tinh thần cho giới này nhiều hơn cả. Cần kể thêm Phạm-Duy với những bản «Thiếu-Sinh Ca», «Em Bé Quê», «Thi Nhân Chấm Học» (1954); Thái-Huy với tập «Nhạc Thiếu-nhi» (đầu năm 1954) và Đức-Quỳnh với bản «Chim Chích Choe» (mượn ý dao ca)...

Tại Trung Việt, trong khoảng từ năm 1949 đến 1953 ta thấy xuất hiện một số bài ca và nhạc tuyển thiếu nhi của Linh mục J.M. Thích (tập «Vở Hát Tuổi Xanh» năm 1951) Lê-Cao-Phan («Chuột Cấn Trùng» 1949, và tập nhạc tuyển «Tiếng Gà Gáy Sáng» 1951), và Ngô-Ganh («Nhảy lửa», «Vui bước đến trường», «Cái đồng hồ» và tập nhạc tuyển «Đàn Chim Non»). Tờ báo giáo-dục «Lớp Học Chiều» do hai Học-chính và Thanh-niên Trung-Việt xuất bản (1952-1953) đã đăng tải một loạt bài ca thiếu nhi của Nguyễn-Hữu-Đa («Nhịp Sống Ngày Xanh», «Sớm Đẹp»), Ngô-Ganh («Thiếu-Nhi Ca», Trung-Thu) và Lê-Cao-Phan («Nhi Đồng Mùa Ca», «Vui đi học», «Chiều Chi Lặng», «Lô-Lợi khinh Mịch»).

Vào khoảng từ cuối năm 1954 đến nay, sau ngày phân chia đất nước, đa số các nhạc sĩ di cư vào Nam, và trong lĩnh vực sáng tác cho thiếu nhi, thấy xuất hiện những sản phẩm thừa thời như tập «Nhạc Tuổi Trẻ» (gồm 4 bài) của Nguyễn-Đầu, Văn-An và Việt-Lyn do Hội Hướng Đạo Việt-Nam xuất bản (1955), tập «Học Sinh Ca» (gồm gần 60 bài) do Nhạc đoàn Sao Mai cho ra (1956) và tập «Nhựa Mới» (gồm 12 bài) của Lê-Cao-Phan do Tâm-Phương xuất bản (1956). Ngoài ra, trên mặt báo chí độc giả đã có dịp đọc vài bài luận thuyết có tính cách cổ vũ cho ngành nhạc thiếu nhi, dưới đầu đề «Cần Dạy Trẻ Con Hát» của Tân-Anh (tuần báo Phụ-Nữ Diễn-Đàn số 64) và «Vai Trò Giáo Dục của Âm Nhạc» của Lê-Thương đăng trên vài số nhật báo Thời-Luận (1956).

Ta có thể mừng thầm nhận thấy số lượng nhạc phẩm cho thiếu nhi xuất hiện có phần khá quạn, dù dưới hình thức những bản nhạc rời, hoặc những tập hợp tuyển. Nhưng sánh với các loại nhạc khác, ta sẽ tiếc rằng số sản phẩm loại thiếu nhi chưa có là bao và đáng lẽ phải nhiều hơn nữa nếu không gặp nhiều trở ngại trong việc xuất bản và phổ biến.

Trước khi xét phương diện xuất bản, tưởng cũng cần kiểm soát lại xem công việc phổ biến nhạc thiếu nhi từ trước đến nay ra thế nào.

Trên kia, tôi đã tán thành việc cho trẻ em được ca múa ở học đường, trên sân khấu, ngân giọng trên đài phát thanh hay trong các buổi thi tuyển lựa tài tử. Nhưng đây chỉ là việc « các em được múa hát »; giờ ta tự hỏi các em được múa hát những gì, nói rõ hơn, các em có được hưởng môn ăn linh thần của chúng không? Các em có được ca những bài ca được hồn trẻ, có múa những vũ khúc đơn giản bình dị ngang với sức của chúng không? Để khỏi đáp là « không có », tôi xin thưa rằng đấy quả là điều « hiếm có ».

Tại đài phát thanh hàng tuần vẫn có buổi phát thanh dành riêng cho thiếu niên nhi đồng, nhưng liếc thay ban trình diễn không phải là một ban thiếu nhi hát bài ca cho thiếu nhi thưởng thức, cũng không phải là một ban hợp ca người lớn trình bày những bài nhỏ nhỏ, gọn gọn, được hồn trẻ thơ cho thiếu nhi nghe, mà lại là một ban Thiếu nhi chỉ thích trình bày bài ca người lớn !

Ở trường học, (Tiểu học và Trung học) thực ra Chính phủ đã lưu tâm đến ca nhạc, xem môn này như một môn giáo khoa. Ở bậc Tiểu học mỗi tuần có từ 30 đến 45 phút dạy hát cho thiếu sinh, phần nhiều do chính giáo viên mỗi lớp tự lo cho lớp họ vì số giáo viên có khả năng âm nhạc được biệt phái chuyển trách dạy hát hiện còn ít ỏi; ở bậc Trung học từ lớp Đệ Thất đến Đệ Tứ cấp phổ thông, mỗi tuần có một giờ học âm nhạc (theo công báo V. N. số 7 ngày 17-9-19) nhưng số giáo sư chuyển môn đang còn hiếm.

Đến đây, tôi xin mở một dấu ngoặc để điểm qua phần sách dạy nhạc lý về phương pháp xử dụng nhạc khí từ trước đến nay. Kể ra cũng đã có một số ít sách ra đời và rất đáng được khuyến khích.

Về nhạc lý, cần nói đến : « Sách Dạy Âm Nhạc » của Nguyễn-văn-Diệp (1940) của Nguyễn-gia-Thắng (1943) những bài báo dạy kỹ âm pháp do Vũ-Khánh phụ trách đăng trong tờ « Việt nhạc » 1948, cuốn « Nhạc Lý Dẫn Giải » của Hương-mộc-Lan (1948) « Âm Nhạc Học I và II » của Ngô-thanh-Hà (1949) « Cây Đàn Sóng I và II » của Hùng-Lân (1952) « Kỹ Thuật Hát » của Tống-Ngọc-Hợp (1954) và « Đề Sáng Tác Một Bài Nhạc Phổ Thông » của Hoàng-thị-Thơ (1955).

Đấy là chưa kể những sách đã được giới thiệu nhưng chưa xuất bản như : « Sách Dạy Âm Nhạc » của Trần-trọng-Tuấn, « Nhạc Lý » của Hoàng-Trọng, « Đề Hát Một Bài Nhạc » của Hoàng-thị-Thơ và « Âm Học nhạc » của Lê-cai-Phan.

Về sách dạy phương pháp xử dụng nhạc khí, có thể nói ta chưa có gì làm vốn, ngoài ra mấy cuốn «Tự Học Đàn» (đàn nguyệt, cho nhạc cổ V.N.) của Nguyễn-hữu-Ba (1938), «Tây-Ban-Cầm Thực Hành» của Hoàng-thị-Thơ (1955) và «Tự Học Mõng-Đồ-Lin» của Lê-hoàng-Long (1955).

Những về phần sách nhạc lý, trong số sách đã xuất bản, nếu xét về hình cách giáo khoa [nghĩa là ngoài phần lý thuyết sách có chú ý đến phần câu hỏi, bài viết, bài tập, thì theo thiện ý tôi có thể nói chỉ có những cuốn «Âm Nhạc Hệ-Thất, Hệ-Lục, Hệ-Ngũ» của Hùng-Lân, sau đó đến «Dễ Sáng Tác Một Bài Nhạc Phổ Thông» của Hoàng-thị-Thơ và «Kỹ Thuật Hát» của Tống-ngọc-Hạp).

Song lạ, đối với giới thiếu nhi, những loại sách lý thuyết kể trên chưa hề được dùng vì ở bậc Tiểu-học chưa có môn kỹ âm pháp và lòng trong chương trình. Còn ở hệ Trung học, chương trình học nhạc lý đến nay vẫn chưa được triệt để áp dụng trong các trường loan quốc vì lẽ khan thiếu giáo sư chuyên môn.

Thêm vào tình trạng trên, sự khan hiếm cán bộ huấn luyện ca nhạc cho học sinh tại các trường Tiểu-học, sự sống rờ rạc của học sinh ngoài giờ học ở trường (số học sinh tham gia các đoàn thể có ít nhiều tình cách giáo dục thành niên như Hướng-đạo, Phật-tử, Công-giáo hiện rất ít ỏi) làm cho việc phổ biến ca nhạc thiếu nhi kém phần sâu rộng. Đây là chưa nói đến những khó khăn về phương diện ấn loát loại nhạc này : muốn hấp dẫn thiếu nhi, bản nhạc tùy tập nhạc tuyền phải được trình bày và ấn loát rất mỹ thuật do đó nhà xuất bản không thể để giá quá hạ và làm thối chí đa số phụ huynh, khi họ bỏ tiền ra mua nhạc cho con em họ «hát chơi». Vì vậy, nhạc thiếu nhi rất khó phát hành, và lẽ tất nhiên, một khi không có hy vọng bán chạy hàng thì các nhà xuất bản chẳng bao giờ bỏ vốn ra in, trừ trường hợp vì vì nể, hoặc chỉ mua vài tên tác giả đã được nổi tiếng ở các loại nhạc khác để «cỏ» thành giả ở địa hạt nhạc thiếu nhi. Đây là điều không đáng trách khi ta nhớ lại mục đích thương mại của đại đa số nhà xuất bản và phát hành.

Không ai có thể phủ nhận rằng từ trước đến nay ngay cả «nền» nhạc Việt-Nam ta nơi chúng vẫn ở vào giai đoạn «đỏ đường» hướng đến là ngành nhạc thiếu nhi. Tôi dám nói «nền» nhạc Việt-Nam, vì kỹ thực nước Việt ta có một nền nhạc rất phong phú mà bấy lâu ta không chịu khai thác để lộ diện trao đổi cho nó được ngày càng phong phú và rộng rãi thêm, trước đây gọi là có ít nhiều vốn liếng quý hóa làm phương tiện giáo dục nhân dân Việt-Nam, sau nữa phong khí cần phải «mang chuông đi đánh nước người.» Nói như vậy, tôi không chủ trương gạt bỏ ra ngoài những gì gọi là tinh túy của kho tàng âm nhạc ngoại quốc, cổ cũng như kim, nhưng chỉ muốn đề nghị dành phần ưu tiên cho nhạc Việt thuần túy.

Muốn xây dựng một nền nhạc Việt-Nam có giá trị sau này, lẽ tất nhiên là phải nghĩ đến thế hệ thanh thiếu nhi đang lớn, gọi họ họ

lòng mến yêu ham chuộng nhạc Việt. Nhất là đối với thiếu niên nhi đồng, những mầm mống, những trang giấy mới trắng tinh, công việc xây dựng này lại càng tế nhị và khẩn cấp.

Có điều rất đáng mừng là gần đây những khoá huấn luyện kỹ âm pháp và hát do Bộ Thông-tin và Thanh-niên chủ trương, với các nhạc sĩ Hùng-Lân, Vũ-vân-Tuynh cùng một số nhạc sĩ khác phụ trách đã thu hút được một số lớn thanh niên nam nữ có khả năng, ngỗ hầu đào tạo họ thành những ca sĩ cho đài phát thanh và làm thời làm huấn luyện viên ca nhạc cho các trường Tiểu học, Đồng (thờ), Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã bắt đầu thành lập Nhạc Viện Việt-Nam do nhạc sĩ Nguyễn-Phụng giám đốc với sự hợp tác của các nhạc sĩ Nguyễn-hữu-Hà, Hùng-Lân, Lê-Thương, cùng nhiều nhạc sĩ khác. Vừa rồi kỳ thi nhập học đầu tiên đã được tổ chức để tuyển những học sinh từ 11, 12 tuổi trở lên cho hai ngành tân nhạc và cổ nhạc (học nhạc lý và nhạc cụ).

Dù đang ỷ vào tình trạng phôi thai, những công cuộc kiến thiết trên của chính phủ rất được nhân dân hoan nghinh và làm cho nhân dân càng tin tưởng vào tương lai của nền nhạc Việt.

Chúng ta hãy hy vọng rằng song song với công cuộc kiến thiết nói trên, chính phủ lưu tâm cố võ việc sáng tác, xuất bản và phổ biến nhạc thiếu nhi bằng mọi cách, chẳng hạn :

- Mở những cuộc thi sáng tác nhạc thiếu nhi ;
- Chủ trương xuất bản hoặc giúp đỡ cho các nhà xuất bản về mặt tiền thu sáng tác phẩm ;
- Phổ biến sâu rộng bằng đài phát thanh, đại hội ca vũ nhạc thiếu nhi ;
- Bổ sung thêm giáo viên ca nhạc cho các trường Tiểu học, hoặc phái những giáo viên tiểu học có khả năng đi thụ huấn thêm để trở thành giáo viên chuyên môn về ca nhạc (thụ huấn tại các lớp dạy kỹ âm pháp và hát do Bộ Thông Tin và Thanh niên tổ chức.)
- Khuyến khích những tư nhân (có ít nhiều bảo đảm về chuyên môn) đứng ra mở những lớp dạy cho thanh thiếu nhi.

Chúng ta lại hy vọng rằng các nhạc sĩ của thiếu nhi cứ tiếp tục mạnh dạn bước trên con đường lý tưởng đã vạch để đoàn người đồng hành ngày càng đông đúc ; các nhà xuất bản thỉnh thoảng chịu khó làm tờ phương diện lý tài để giúp nhà sáng tác cho ra đời những nhạc phẩm «ti hơn» ấy ; các phụ huynh hiểu rõ vai tưởng quan trọng của môn ca nhạc trong việc giáo dục con em về mọi phương diện đức, trí, thể và giáo dục, và có thành tâm thiện chí tạo cơ hội, phương tiện cho con em mình học thêm ca nhạc ngoài những môn khác.

Mối hy vọng lớn lao ấy làm cho tôi có cảm tưởng đang cùng với một đàn em nhỏ say sưa đứng ở khóm vườn nhạc thiếu nhi đầy hoa thơm quả quý, giữa lòng vườn nhạc Việt-Nam rộng lớn được muôn nghìn hương sắc.

THƯA Bà, Chúng tôi xin báo cho bà hay đơn xin hồi hương của bà đã được chấp nhận. Xin mời bà ghé lại Sứ Quán để lo những giấy tờ cần thiết cho việc hồi hương...

Mảnh giấy đánh máy lật đi lật lại trên tay Giác không biết đã bao nhiêu lần. Những giòng chữ in lúc mờ, lúc rõ, nhầy mứa trước mắt y. Hết lâu sau, Giác huơng mảnh giấy xuống bàn. Y ngồi bó gối hai tay ôm lấy đầu trong cái giáng điệu của một người tuyệt vọng. Chợt có tiếng người đàn bà leo xèo ngoài cửa.

— A « măng » đã về !

— « Măng » về ?

Thằng Ghi và con Giu-Dết đương nhảy chân sáo, tay bầm lấy vật áo mẹ đi vào trong nhà. Giác ngẩng lên gương cười :

— Giấy tờ xong rồi chứ ?

— Đến là nhục ! Họ lục hết gia sản nhà mình rồi lại đến hôn thư hôn thú của mình, khai sinh của con. Rô-Bê chết hồi nào ? Giấy tờ cũ của y mình còn giữ không ? Rồi chờ điều tra của nhà binh, của phòng Quân Cảnh. Một trăm thứ hà đả... Chả biết cái quẻ hương « Tây » nó quý báu ra làm sao ?

Giọng Ê-Len dài ra, vẫn không dấu được vẻ vui mừng lộ trên nét mặt. Giác bỗng trạnh lòng. Y nhìn Ê-Len như người tiếc rẻ một kỷ niệm thân yêu sắp phải lìa bỏ.

— Ngày kia thì chiếc Athos II cập bến Sài-gòn, như thế độ cuối tuần mình đã phải đi rồi.

Giác đáp lại bằng một tiếng thở dài. Nét vui biến mất trên khuôn mặt gầy có nước da trắng xanh xao của một thiếu phụ. Ê-Len vừa gấp đôi mắt thăm hại của Giác. Y ngồi ủ rũ trên ghế, hai tay huơng xuôi mặc cho thằng Ghi đương thọc ngón tay chỗ vào nách y, nhấm nháy cười với chị nó. Không biết làm gì, Ê-Len quát con :

— Ghi ! Mày lại trêu « ba » đấy hả ?

Thằng bé thọc tay lại, trố mắt lên nhìn mẹ. Chị nó, con bé tóc vàng hoe, cũng ngó mẹ bằng con mắt ngạc nhiên, thư ngày. Gian nhà bỗng òm lảng đi một lúc.

— Mình cũng chẳng muốn « về » làm gì, nhưng « toa » xem chúng mình cũng thất nghiệp cả, lại bên nách hai đứa con...

Giọng Ê-Len buồn như người hối hận. Giác lấy riềm đố một điều thuốc, trầm ngâm thở khói lên trần.



Giác làm lính thông ngôn trong quân đội Pháp. Y nhận được giấy giải ngũ cũng một lúc với lá thư của một người bạn cũ gửi từ miền Nam ra. Người bạn xui Giác vào Sài-gòn và sẽ làm việc hộ y.

Không nghĩ ngợi gì hơn, Giac mua vé tàu, sách va-ly, rời Hải Phòng một tuần sau đó. Những trận đánh quyết liệt đương tiếp diễn trên miền Bắc. Chiến tranh như một cái lò lửa đương hừng hực bốc cháy. Thư tín đem về Hà-nội phần lớn là tin buồn. Rô-Bê bị tử thương trong một trận lập kịch của đối phương gần pháo đài Na-San. Tờ điện tin xuôi đem lại tin Rô-Bê từ trần kèm món tiền tử tuất mà chính phủ dành cho người góa phụ là Ê-Len. Lúc ấy thằng Ghi, đưa con trai thứ hai của nàng vừa tròn một tháng. Con Giu-Đết, đưa con đầu lòng đã lên hai tuổi.

Ê-Len tên thật là Sinh. Cha mẹ chết cả. Nàng làm thư ký cho sở quân nhu Pháp. Sinh gặp Rô-Bê ở đấy. Đó là một anh trung sĩ trẻ tuổi mới sang Đông-Dương. Hai người lấy nhau có hôn thú đăng hoàng. Và Sinh trở thành bà Duy-Cốt, Hélène Ducoste. Hạnh phúc vừa tròn hai năm thì Ê-Len đã phải choàng một mảnh khăn tang lên đầu.

Họ gặp nhau trên chuyến tàu vào Nam. Giac kèm Ê-Len hai tuổi, nhưng cuộc sống phong trần đã làm cho khuôn mặt sạm đen của y già dặn lên.

Còn Ê-Len, tuy đã hai sách con nhưng trông vẻ buồn vì tang tóc hãy còn phảng phất ở nhiều xuân sắc. Cả hai người đã yêu nhau, ngẫu nhiên như trong một thiên tình sử trên màn ảnh. Thực ra thì không hoàn toàn thơ mộng như thế. Nhưng họ đã gặp nhau, những cuộc đời xấu xé giữa thời chiến. Giac sống độc thân. Ê-Len với hai đứa con còn nhỏ cũng đương cần một người để nương tựa và an ủi. Họ thuê một căn nhà ở vùng Tân Định. Giac xin được chân thư ký trong một xưởng nhà binh Pháp. Ê-Len ở nhà thỉnh thoảng đi chích cho bà con lối xóm. Cuộc sống bình dị thôi...

..

Điều thuốc tắt ngấm trên tay Giac lúc nào không hay.

Thằng Ghi, con Đết kéo nhau ra ngoài ngõ rủ đùa với lũ trẻ hàng xóm. Ê-Len đương lui lui đốt đèn cầy lược mấy cái ống tiêm và mũi kim. Giac ngồi âm thầm trong bóng tối.

— Hồi sáng đảng chủ nhà lại sai người đến thúc tiền.

Nghe vợ nhắc giọng buồn buồn, Giac thấy lòng y quặn lại. Y thất nghiệp đã năm tháng nay. Số tiền phụ cấp su thả mà xã trả cho y đã hết từ tháng trước. Gia đình sống lay lắt bằng món tiền nhỏ bé mà vợ Giac thần lượm được nhờ những mũi chích cho bà con quanh xóm. Ê-Len đặt ống tiêm vào hộp, kể lể :

— Đạo này nhiều người chích «pê ni xi lin» xong rồi lại đứng ra chết. Thành ra mình đâm sợ, ai nhờ chích thứ đó đánh bảo họ đến, đức tở.

Giac vẫn ngồi như một cái bóng cảm.

— Kiếm được mười đồng bạc, rồi ra, chẳng biết ở tu !

Nói đến đây Ê-Len chép miệng cười khẩy. Tiếng cười lúc này sao mà chua chát ! Công việc của Giac mỗi ngày là đi lung thang khắp phố. Y ghé lại nhà một vài người bạn cũng đương cảnh thất

nghiệp như y, trao đổi mấy câu chuyện hàng ngày, thường đề hỏi tin tức công việc ra sao. Họ cũng như Giac, nghe thấy đâu cần người là đảm bảo đến, vác theo lá đơn và giấy tờ chứng thực của nhà binh. Nhưng không ai gặp được may mắn. Nhiều lần chờ chuyện Giac đã chưa chút báo :

— Giac mình gặp được xịch lộ thì cũng kiếm lấy một cái, sống qua ngày.

Chẳng bao giờ y thực hành được cái ý định ấy. Một lần y định học lái xe để lấy bằng lái mướn lác-xi. Lúc đến trường giầy lái họ đòi học phí hai ngàn bạc. Y lại vuốt bụng trở về. Y giận mình sao lúc còn ở trong quân đội Pháp lại không học lấy một cái nghề chuyên môn như vô tuyến điện hay lái xe hơi chẳng hạn.

Hai vợ chồng nhăm nhau thiếu tiền. Ê-Len muốn nói rất nhiều mong Giac hiểu mình. Mỗi lần định nói thì nàng lại thấy nghèn nghẹn ở trong cổ. Nước mắt ở đâu lại trào re. Nàng chỉ bảo :

— Giac mà mình có cái vốn nhỏ nhỏ mở cái quán bán « lạp ve ».

Trong lúc đó thì Giac cũng nói cái ước vọng khó khăn của y :

— Biết thế ngày trước mình chịu khó cày cục học cầm lái « cam nhông » thì bây giờ...

Nói đến đây Giac bỗng ngừng lại. Y biết rằng « bây giờ » thì đã muộn. Y vẫn thất nghiệp. Vợ y đi chích cho người ta đã phải tặc đầu từ chối những lọ « pôn-xi-lin ». Hai đứa con ăn không đủ miệng. Tháng này tiền nhà chưa có trả.

— Cô ba ơi, mà tôi « kiu » cô ba sang chích.

Tiếng con bé hàng xóm vào phá tan không khí yên lặng, nặng nề. Ê-Len lăm lăm ra đi.

..

Chiếc Athon II nhỏ neo vào lúc ba giờ chiều. Hôm ấy trời hồng u ám. Sau khi từ biệt bà con trong ngõ gia đình Giac lách thếch khăn gói ra đi. Một vài bà quen thân, vì Ê-Len vẫn thường lại nhà họ chích cho lũ trẻ, tiễn họ ra đầu ngõ. Thành Ghi và con Glu-Dết gần ngõ nhón mấy đứa bạn ở lại. Chẳng vậy vậy những bàn tay nhỏ xíu mà kêu « ô vơ, ô vơ » nghe đến thương. Khuôn mặt gầy của Ê-Len lại xanh xao hơn. Nàng mang chiếc va-ly nhỏ một cách nặng nhọc. Giac thì lay ôm tay xách thất thểu đi, trông thảm hại như anh lính thua trận đương phải rút lui.

Con tàu trắng loát xừng xừng trên không bến mệnh mong. Phư phen cời trần lấp nấp khuôn vác. Cam nhông chở hàng nối đuôi nhau chạy. Mấy cái cần trục lớn rầm rộ thả từng tấn hàng lộn xuống tàu bốc lên bến.

Ê-Len đứng tần ngần bên Giac. Nàng chưa muốn lên tàu vội. Hai người nhăm nhau nghẹn ngào. Hồi lâu Ê-Len sần sảo hỏi :

— Mà con em đi rồi thì anh sẽ xoay sở ra làm sao ?

Giac gượng cười bảo :

— Anh Địch xuống nhà anh Thuận ở ít lâu.

Thuận là bạn học cũ của Giắc, làm nghề bấm vé ở ga xe lửa. Y sống lay lắt trong một căn nhà lá ở mãi tận Hòa Hưng với số lương mọn hàng tháng. Hôm kia, hắn có báo Giắc :

— Nếu vợ con mày « về » Pháp thì cứ xuống tao mà ở. Có hai tháng ở chui ở rúc làm sao chẳng được.

Hành khách đã lên tàu gần vắng, Ê-Len như chợt tỉnh, gọi :

— Ghi đầu ? Con Địch đầu lại hôn « ba » đi chứ ?

Giắc ôm lấy hai đứa bé tóc vàng áp má y lên mỗi chúng. Ê-Len đứng nhìn, rút vội mũi xoa ra chấm mắt.

— Thôi, em đi cho may mắn. Sang bên ấy nhớ viết thư về cho anh.

Lần thư nhất và có lẽ cũng là lần cuối cùng họ ôm choàng lấy nhau. Trên má Giắc đầm đìa những nước mắt. Y thì thào bên tai vợ :

— Adieu Hélène ! Bon courage !

Giọng người đàn bà bị ngắt quãng bởi những tiếng nước nở :

— Adieu Jacques ! Je t'aime !

Còi tàu rúc lên, trầm và đục kéo dài ra như một tiếng than uất nghẹn. Ê-Len giắt con buồm bả bước lên thang. Một lúc sau Giắc chỉ còn thấy những bàn tay vẫy vẫy từ trên boong lầu cao. Y lùi thụt ra về. Y bước thối thều trên lễ đường Khánh Hội. Gió bờ sông bắt lên thoải mái. Phía cầu tàu người đi hóng gió lấp nập. Thỉnh thoảng một vài cặp nhân tình trẻ đeo nhau trên xe « vét pa » vút qua, thật là một buổi chiều thanh bình êm đẹp.

Y về đến ngõ tác nào không hay. Lũ trẻ đã giầy cả. Chúng kéo nhau ra con đường lát gạch nhỏ đùa vui vẻ. Y gộp ngay bà chủ nhà phốp pháp trong bộ đồ bà ba lụa lèo. Thấy Giắc bà la ào cần hỏi :

— Má bày trẻ ra tàu rồi hả ?

Giắc buông một tiếng « dạ » cụt lủn. Bà chủ vào đề ngay :

— Còn căn phố chừng nào thấy dọn đi ?

— Có lẽ mai hay mốt.

Mặt Giắc buồn như người chịu tội. Mẹ đàn bà không quên nhắc thêm :

— Thấy hứa trả « lui » tiền phố, đã có chưa ?

Giắc trả lời như người gât :

— Rồi tôi sẽ trả ; bà đừng có hối tôi !

Nói xong y lẳng lẳng đi về nhà.

Trong nhà tối thui, vo vo tiếng muỗi. Quạnh hiu quá. Không một tiếng trẻ. Không một bóng người. Hình ảnh Ê-Len xừng xừng hiện lên, tràn rủa nước mắt. Giắc vội quay ra, đi về phía cửa như người chạy trốn. Lũ trẻ vẫn reo hò vang ngõ. Cuộc sống bình thản như không có gì thay đổi. Đồng nhiên từng hồi, chuông giáo đường ngân nga đổ. Thanh âm trầm trầm, lan ra và lắng vào lòng Giắc. Một tia nắng quái hừng lên, xuyên ngang con đường gạch. Gã đàn ông ngược mặt lên trời. Giọng điệu y phẫn nộ một cách đau khổ giống như một người đương cầu nguyện dưới chân thập giá.

Bài của : Nguyễn Đăng

Trường Giang

THƠ BÀNG BÁ LÂN

Nguyễn-hiến-Lê xuất-bản

Gồm hơn 40 bài thơ chọn lọc rất trong các thi phẩm đã xuất bản : Tiếng Thông Rao, Xưa, chưa xuất bản : Tiếng Sáo Diều, Vào Thu, tập thơ Bàng-bá-Lân đã có chung với mấy vần thơ của Thế - Lữ vừa được tái bản, và trước đây ít lâu, Rừng Phong của Vũ-hoàng-Chương, trường hợp của những giá trị vững vàng ngày trước phải chịu đựng lại một lần thử thách trước hiện trạng mới của thơ và sự đổi thay thời đại của tâm hồn người đọc. Nếu thơ Bàng-bá-Lân bây giờ không đành được trọn vẹn sự yêu thích của người đọc ông ngày xưa — thời kỳ phồn thịnh của thơ mới — thì cũng là một sự dĩ nhiên, nhưng cảm tình của chúng ta vẫn còn đắm thắm về một thái độ chân chính của tác giả : Bàng-bá-Lân vẫn trung thành với sức thái đã sẵn có là : sự bình dị của tâm hồn và tinh chất trong sáng của nghệ thuật, và không chịu lao mình vào dòng thơ sôi nổi hiện tại. Chúng ta sẽ hết yêu Bàng-bá-Lân nếu ông không còn thuần túy là Bàng-bá-Lân nữa. Những bài thơ mới nhất của thi phẩm Vào Thu chứng minh rằng tác giả Tiếng Thông Rao từ năm 1931 đến nay, hơn hai mươi năm rồi, vẫn bình tĩnh đầy những luống cày trong đồng nội của mình, vẫn thanh thản hát lên những cung điệu mộc mạc của làng xóm Việt-Nam muốn thuở, không hề bị lừa chối bởi những viễn tượng rực rỡ quyến rũ của những thí pháp mới, và bởi vậy vẫn duy trì được trọn vẹn tinh chất riêng biệt độc đáo, vẫn đầy dòng thơ của mình chảy đi trên một lối đi riêng. Hai mươi năm. Chúng ta có thể tin thơ Bàng-bá-Lân đã chiến thắng được sự đảo lộn của thời gian. Nếu vì sự thay đổi tâm hồn của người đọc giả thời đại, thơ ông không còn đủ quyền lực theo đuổi cho sức cảm, rung động của chúng ta hôm nay nữa, thì ít nhất nó cũng đã đại diện cho một khuynh hướng, một giai đoạn thi ca đã từng biết đến những phát quang bừng và đã tự dành được những trang vàng son trong lịch sử văn học dân tộc.

NGƯỜI ĐI QUA LỘ CỐT HƯNG THUẬT CỦA TỐ KIỀU NGÂN

Phong Lan xuất-bản

Tôi yêu nhất Ánh Đèn Đêm. Cảnh thư về Huế ấy, ngắn nhất nhưng cũng hay nhất, gửi cho một người thiếu nữ, đã sáng lên giữa những trang hiện thực khác như một nhành hoa thơm của tình cảm, đồng thời đã phơi mở cho chúng ta cái khía cạnh lãng mạn thắm kín của tác giả ẩn dưới ngòi bút đã muốn nghiêng nhiều về kỹ thuật tả thực, đã muốn hướng trọng tâm khai thác vào những đề tài xã hội. Cứ gì phải dài dòng. Nếu nghệ thuật bao giờ cũng đòi hỏi ít phẩm chất, thì tình cảm cũng không cần biện hộ. Không cần lễ thể, không cần giấy mực rườm rà. Chỉ một vài hình ảnh gợi lên đúng độ, theo một nhịp rung động tuần tự, thêm vào đó, một chút tiếc nhớ bằng khoảng, và Ánh Đèn Đêm đã là một đoạn văn xuôi thật hay. Một ngọn lửa nhỏ màu hỏa hoàng và hương của một loài hoa đêm trên một lối đi cũ, chỉ cần thế, tất cả chiều sâu và bề rộng của những ngày tháng về trước đã được đánh

thực và sống lại.

Xu hướng lãng mạn đã thoát ra trong cảnh thư về Huế ấy cũng là tính chất chính của cả tập sách, và là nền tảng thực của Tô-kieu-Ngân nếu chúng ta muốn đi tìm qua tác phẩm, con người. Nhiều lúc tôi có cảm tưởng như chính tác giả không muốn lãng mạn mà không được, những lúc ông muốn thật tàn nhẫn thật khách quan để diễn tả được hiệu quả hơn những cảnh mồ hôi nước mắt hàng ngày của lớp người lao động thường xuyên bị thực tế chi phối điều đình. Tộc trưởng Cui, Nàng Lửa, Anh Mới là những bằng chứng. Mặc dầu nhận xét bên ngoài, vẫn chỉ là một vài nét phác họa linh động dí dỏm mà giá trị hiện thực nếu có cũng hết sức mong manh. Đứng trước hai nhận xét: một, khuyến hướng muốn đẹp (lãng mạn), hai, khuyến hướng muốn đúng (hiện thực), qua bút pháp hay bướm, từ ngữ văn hoa, đến lối xây dựng nhân vật đến cả sự việc, bản chất Tô-kieu-Ngân vẫn là lãng mạn và hiện thực chỉ là cái vỏ bên ngoài. Chính bởi chủ trương lãng mạn hóa và thi vị hóa cuộc đời trong sáng tác mà theo ý tôi, tác giả đã đặt thêm đoạn đi qua Lô Cốt trong truyện đầu, đoạn đi chơi sở thú trong Anh Mới, đoạn vào liệm nhũy ở Nàng Lửa. Thêm thật những đoạn đó để có được những ấn tượng linh trạng tương phản, dụng ý làm cho cốt truyện hấp dẫn và làm lý nhân vật có nhiều kịch tính hơn, tác giả đã mặc nhiên xếp đặt cuộc đời theo ý mình và bởi vậy, tính chất hiện thực không còn thuần túy nữa. Điều nhận xét trên đưa tới kết luận này: tác giả nuôi mang nhiều tham vọng và muốn chứng tỏ bằng nhiều loại diễn tả, bằng nhiều khuyến hướng khai thác đề tài, bằng chất toàn diện của nghệ thuật mình và sự phù hợp dễ dàng với nhiều lĩnh vực khác biệt. Tôi hy vọng Tô-kieu-Ngân sẽ chỉ thu hẹp những ý muốn đó trong một phạm vi mở đường hoặc thí nghiệm nào đó. Ở đây, tác dụng truyện cảm và kỹ thuật diễn tả của Anh Đèn Đèn có thể xem như một mẫu mực khá tốt đẹp. Một lần nữa chúng ta lại thấy rằng sự trong sáng minh dị của một nghệ thuật loại bỏ được linh chất gò bó xếp đặt, vẫn là những yếu tố cần bản cho sự thành công của người viết tiểu thuyết.

ĐƯỜNG THI của TRẦN TRỌNG SAN

Bài giới thiệu của giáo sư Nghiêm Toàn trên những trang đầu sách đã nói những điều cần phải nói về thiện chí rất đáng ca ngợi và việc làm rất nên cổ vũ khuyến khích của Trần-Trọng-San: khai thác hệ thống ta cái kho tàng châu ngọc của Thơ Đường và trình bày một phương pháp lý học chữ Hán khá dễ làm theo sao được thành kiến sai lầm của những người chưa biết chữ Hán, quan niệm việc học chữ Hán phiền toái và khó khăn. Tính chất hữu ích của cuốn sách đã rõ rệt. Nhưng tác dụng của nó không phải chỉ ở phạm vi dẫn giải, phiên dịch. Nếu hôm nay chúng ta vẫn còn như bỡ ngỡ trước cái tình hoa cổ cách của Thơ Đường thì Trần-Trọng-San cũng đã đóng góp được một phần đáng kể vào công cuộc trình bày một nền Thi Ca cổ xưa đến nay anh hưởng tốt đẹp vẫn còn sâu đậm trong Thi Ca Việt-Nam, với những vần thơ ông chuốt vẫn còn được chúng ta say mê và ngâm ngợi.